



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

10

Tháng 05 - 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NGUYỄN TẤN DŨNG PHÁT LỆNH TÍCH NƯỚC HỒ THỦY ĐIỆN SƠN LA

Sơn La, ngày 15 tháng 5 năm 2010



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng bấm nút chặn dòng tích nước hồ thủy điện Sơn La



Toàn cảnh công trình thủy điện Sơn La trước giờ tích nước

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI MỘT

10

SỐ 10 - 05/2010



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị quyết số 22/NQ-CP của Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa 5
- Nghị định số 50/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên 6
- Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất 7
- Quyết định số 568/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế đảo Việt Nam đến năm 2020 8
- Thông tư số 10/2010/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu 10
- Thông tư số 72/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế đặc thù về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án "Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa" 11

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quy định về miễn giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và hỗ trợ tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng khi được Nhà nước giao đất tái định cư để giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Hà Nội 12

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

- Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các tổ chức trên địa bàn thành phố Hà Nội 13

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:

+ *Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm hiện trường - Phần 4: Thí nghiệm nén ngang MÉNARD* 16

- Ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng trong các khu đô thị mới 18

- E-Block - công nghệ và ứng dụng 20

- Dây chuyền sản xuất bê tông khí chưng áp của Công ty Teeyer Giang Tô - Trung Quốc 24

- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đồng bộ cho vật liệu xây không nung 26

- Vữa phủ mặt sàn tự san phẳng 29

- Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet 31

Thông tin

- Triển lãm Kiến trúc Việt Nam 2010 – VIETARC 2010: vì một nền kiến trúc Việt Nam 33

- Hội thảo giải pháp về vốn cho thị trường bất động sản năm 2010 34

- Hội thảo “Phát triển nguồn nhân lực tham gia thị trường bất động sản” 35

- Hội thảo về công khai thông tin các dự án thí điểm thực hiện “Chương trình minh bạch trong hoạt động xây dựng - CoST” 36

- Hội nghị tổng kết Dự án thứ 3 cấp nước và vệ sinh các thị xã, thị trấn 37

- Những thành tựu về xây dựng đô thị - nông thôn trên Cao nguyên Tây Tạng, Trung Quốc 39

- Thực tiễn công tác quản lý nhà ở nông thôn của Thành phố Bình Hồ, tỉnh Triết Giang, Trung Quốc 43

- Những tồn tại và biện pháp quản lý tri thức của các doanh nghiệp ngành Xây dựng Trung Quốc 46

**VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW****Nghị quyết số 22/NQ-CP của Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Nhằm tiếp tục khuyến khích, trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng các yêu cầu về hội nhập và phát triển, ngày 30/6/2009 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Để triển khai thực hiện tích cực, đồng bộ các chính sách trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, ngày 15/5/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 22/NQ-CP chỉ đạo các Bộ, ngành, các địa phương tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, với các nội dung về: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch, chương trình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; Tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng và huy động các nguồn lực hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Tháo gỡ khó khăn về mặt bằng sản xuất; Hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Đẩy mạnh thực hiện một số giải pháp cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Xây dựng và củng cố hệ thống trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Theo đó, Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các hiệp hội doanh nghiệp tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, hướng dẫn áp dụng các tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy mô và khu vực ngành nghề hoạt động chính, hướng dẫn xây dựng chương trình trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa của Nhà nước ở

cấp Trung ương và địa phương; Trên cơ sở Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015 và báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa 5 năm (2006-2010), nghiên cứu đề xuất xây dựng Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 5 năm tiếp theo (2011-2015) trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2011.

Các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa chú trọng các giải pháp và kinh phí thực hiện, đưa vào kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm và 5 năm của các Bộ, ngành, địa phương và gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, cân đối nguồn lực.

Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục thực hiện các biện pháp điều chỉnh chính sách tiền tệ để kiểm soát hoạt động tín dụng của các tổ chức tín dụng theo hướng tập trung phục vụ các nhu cầu vốn đối với các lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đàm phán, tiếp nhận, hoặc bố trí nguồn vốn ODA để thực hiện hỗ trợ kỹ thuật và tăng cường năng lực cho các tổ chức tín dụng mở rộng tín dụng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa và cung cấp dịch vụ hỗ trợ về tư vấn tài chính, quản lý đầu tư và các dịch vụ hỗ trợ khác cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các cơ

quan liên quan xây dựng đề án thành lập Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, trình Thủ tướng Chính phủ trong quý IV/2010.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, tổ chức thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất mới cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê hoặc dành quỹ đất để xây dựng các khu, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa và vườn ươm doanh nghiệp; tổ chức tư vấn, tháo gỡ khó khăn về mặt bằng sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Trong năm 2010, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND cấp

tỉnh xây dựng cơ chế ưu đãi nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Bộ Công thương chủ trì xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch tổng thể phát triển cụm công nghiệp theo vùng lãnh thổ đến năm 2015, tầm nhìn 2020; Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 04/2009/NĐ-CP của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường, cụ thể hóa những ưu đãi tài chính về đất đai nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa...

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Nghị định số 50/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên

Ngày 14/5/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 2, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thuế tài nguyên.

Theo đó, đối tượng chịu thuế tài nguyên thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thuế tài nguyên bao gồm: khoáng sản kim loại; khoáng sản không kim loại; dầu thô; khí thiên nhiên; khí than; sản phẩm của rừng tự nhiên: các loại thực vật và các sản phẩm khác của rừng tự nhiên, trừ động vật và hải sản, sa nhân, thảo quả do người nộp thuế trồng tại khu vực rừng tự nhiên được khoanh nuôi, bảo vệ; hải sản tự nhiên: động vật và thực vật biển; nước thiên nhiên, bao gồm nước mặt và nước dưới đất; yếm sào thiên nhiên; tài nguyên khác.

Sản lượng tài nguyên tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật Thuế tài nguyên. Đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên dùng cho mục đích công nghiệp thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định bằng mét khối hoặc lít theo hệ đo đếm đạt tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Việt Nam. Trường hợp không trực tiếp xác định được sản lượng tính thuế thông qua hệ đo đếm đạt tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam thì thực hiện khoán sản lượng tài nguyên khai thác theo kỳ tính thuế.

Giá tính thuế tài nguyên theo Điều 6 Luật Thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên của tổ chức, cá nhân khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp tài nguyên chưa xác định được giá bán thì giá tính thuế tài nguyên được xác định theo giá bán thực tế trên thị trường khu vực trong phạm vi địa bàn cấp tỉnh của đơn vị sản phẩm tài nguyên cùng loại nhưng không thấp hơn giá tính thuế do UBND cấp tỉnh quy định. Trường hợp tài nguyên khai thác có chứa nhiều chất khác nhau thì giá tính thuế xác định theo giá bán đơn vị của từng chất và hàm lượng của từng chất trong tài nguyên khai thác nhưng không thấp hơn giá tính thuế do UBND cấp tỉnh quy định.

Đối với một số trường hợp cụ thể, giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện là giá bán điện thương

phẩm bình quân; đối với gỗ là giá bán tại bãi giao; đối với tài nguyên khai thác không tiêu thụ trong nước mà xuất khẩu là giá xuất khẩu đơn vị sản phẩm tài nguyên (FOB); trường hợp tài nguyên khai thác vừa tiêu thụ nội địa và xuất khẩu thì đối với phần tiêu thụ nội địa là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên chưa bao gồm thuế VAT, đối với phần xuất khẩu là giá xuất khẩu; đối với dầu thô, khí thiên nhiên, khí than là giá bán tại điểm giao nhận.

Mức thuế suất cụ thể đối với từng loại tài nguyên thực hiện theo Biểu mức thuế suất do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2010. Bãi bỏ Nghị định số 05/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế tài nguyên và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Điều 6 Pháp lệnh Thuế tài nguyên.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất

Ngày 12/5/2010, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất. Theo đó, hàng năm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được trích từ 30% đến 50% nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn (sau khi trừ các khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí liên quan khác) để thành lập Quỹ phát triển đất. Mức trích cụ thể do UBND tỉnh quyết định căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quyết định việc thành lập Quỹ phát triển đất của địa phương, ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất của địa phương theo quy định tại Quy chế mẫu và pháp luật có liên quan.

Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất ban hành kèm theo Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg quy định về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Quỹ Phát triển đất tỉnh là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc UBND tỉnh, do UBND tỉnh quyết định thành lập. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu

riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động. Quỹ có chức năng nhận vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn khác theo quy định để ứng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Quỹ phát triển đất hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cơ cấu tổ chức, Quỹ phát triển đất gồm có Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có từ 5 - 7 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là một Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ; các thành viên khác là lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh có liên quan do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp

biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Ban Kiểm soát Quỹ có từ 3 - 5 thành viên, gồm Trưởng ban do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ; Phó Trưởng ban kiểm soát và các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát Quỹ.

Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ. Trường hợp UBND tỉnh quyết định ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển hoặc Quỹ tài chính khác của địa phương quản lý Quỹ phát triển đất thì không thành lập các phòng nghiệp vụ.

Quỹ phát triển đất được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ: ứng vốn cho Tổ chức phát triển đất để tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy

hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các dự án; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá.

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn Nhà nước cấp và các nguồn vốn khác. Quỹ được nhận ủy thác quản lý, sử dụng vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác. Quỹ được nhận ủy thác quản lý hoạt động của các Quỹ khác thuộc tỉnh. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác và được hạch toán vào nguồn thu của Quỹ, mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

Quỹ thực hiện theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự bảo đảm một phần hoặc bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2010.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 568/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế đảo Việt Nam đến năm 2020

Ngày 28/4/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 568/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế đảo Việt Nam đến năm 2020.

Theo đó, mục tiêu của Quy hoạch nhằm phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững về kinh tế của hệ thống các đảo để có bước đột phá về phát triển kinh tế biển, đảo và ven biển của nước ta, đồng thời xây dựng hệ thống đảo trở thành tuyến phòng thủ vững chắc bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia các vùng biển, đảo của Tổ quốc, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước và Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

Quy hoạch phát triển kinh tế đảo Việt Nam đến năm 2020 xác định việc tập trung xây dựng một số đảo có vị trí, điều kiện thuận lợi và nhiều tiềm năng, tạo sự bứt phá cho kinh tế biển, đảo, góp phần phát triển kinh tế cả nước, đồng thời là đầu mối quan trọng để gắn kết kinh tế đảo với kinh tế biển, ven biển và vùng nội địa và giao lưu quốc tế; Xây dựng về cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu (gồm cầu cảng, hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin và hạ tầng xã hội...) trên các đảo, nhất là các đảo quan trọng, tạo điều kiện cần thiết để phát triển kinh tế, kết nối các đảo với đất liền và bảo vệ vững chắc vùng biển của Tổ quốc; Tạo sự

chuyển biến căn bản và vững chắc trong cơ cấu kinh tế đảo, hình thành và phát triển một số ngành mũi nhọn phù hợp với lợi thế của vùng đảo như du lịch, dịch vụ biển, khai thác và nuôi trồng thủy sản ... để kinh tế đảo đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 14 - 15%/năm thời kỳ 2010 - 2020, trong đó du lịch - dịch vụ tăng trên 20%/năm, nâng mức đóng góp của kinh tế đảo trong kinh tế cả nước từ 0,2% hiện nay lên khoảng 0,5% vào năm 2020.

Trong Quy hoạch đã đề ra định hướng từ nay đến 2020 tập trung xây dựng nhanh hệ thống kết cấu hạ tầng trên các đảo, coi đây là khâu đột phá để thu hút đầu tư và khuyến khích dân ra định cư lâu dài trên các đảo.

Về hạ tầng giao thông sẽ chú trọng phát triển đồng bộ hệ thống giao thông, phát triển các công trình kết nối với đất liền và các tuyến giao thông chính, có tính quyết định đến phát triển của từng đảo. Nâng cấp mở rộng các cảng chính để có thể tiếp nhận tàu trên dưới 1.000 tấn cho các đảo lớn, đông dân cư, xây dựng cảng hành khách hiện đại có thể tiếp nhận tàu lớn đối với một số đảo trọng điểm về du lịch như Côn Đảo, Phú Quốc ...; Nâng cấp hoàn chỉnh Cảng hàng không Côn Sơn đạt cấp 3C theo tiêu chuẩn ICAO; Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cảng hàng không quốc tế Dương Tơ tại Phú Quốc đạt cấp 4E, quy mô 3 triệu hành khách/năm; Sớm triển khai xây dựng cảng hàng không Vân Đồn đạt cấp 4C; Nghiên cứu xây dựng sân bay mini hoặc bến thủy phi cơ trên một số đảo khác có ưu thế về du lịch; Từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông trên các đảo, nâng cấp hoàn chỉnh các tuyến đường xuyên đảo, đường vòng quanh đảo trên các đảo chính đạt cấp IV, V miền núi; Xây dựng một số đường mới cho các đảo còn thiếu để đến 2020 tất cả các huyện đảo, xã đảo và các đảo quan trọng khác về cơ bản đều có hệ thống giao thông hoàn chỉnh...

Về cấp điện, trước mắt đẩy nhanh việc thực hiện Chương trình đầu tư điện cho các đảo xa

bờ. Triển khai xây dựng nhà máy nhiệt điện đốt than quy mô khoảng 6MW cho đảo Cô Tô; Nâng cấp mở rộng và xây dựng mới một số trạm diesel với tổng công suất từ 5 - 10MW đến vài chục MW cho các đảo tương đối lớn, đông dân cư (Phú Quốc, Côn Đảo, Lý Sơn; Phú Quý...) và từ vài trăm KW đến 1 -2 MW cho các đảo nhỏ, ít dân cư như Cồn Cỏ, Bạch Long Vĩ, Cù Lao Chàm và các đảo khác để có đủ điện cho sản xuất, sinh hoạt của dân cư và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Về cấp nước, thoát nước: tiếp tục nâng cấp, xây dựng mới hồ chứa cho các đảo lớn, đông dân hoặc có vị trí quan trọng như Cô Tô, Vĩnh Thực, Vân Đồn, Cát Chiên, Cát Hải, Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Hòn Mê, Cồn Cỏ, Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Nhơn Châu, Phú Quý, Côn Đảo, Hòn Khoai, Hòn Chuối, Hòn Tre, Phú Quốc...; Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải cho các khu vực trung tâm đảo, các khu vực tập trung công nghiệp, các khu dịch vụ hậu cần nghề cá và các khu du lịch trọng điểm trên các đảo.

Về hạ tầng thông tin - truyền thông: phát triển cơ sở hạ tầng thông tin - truyền thông trên các đảo với công nghệ hiện đại, có độ bao phủ rộng, tốc độ nhanh. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin - viễn thông trên các đảo có dân sinh sống gồm các tổng đài cố định, hệ thống truy cập Internet và các trạm truy cập vệ tinh nhằm bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong mọi điều kiện thời tiết. Đối với các đảo đông dân, xây dựng các tuyến viba có dung lượng lớn hoặc cáp quang biển; đối với các đảo xa đất liền sử dụng thông tin vệ tinh. Phấn đấu đến năm 2015, hầu hết các đảo có dân sinh sống được phủ sóng di động và được cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông và Internet.

Nhu cầu vốn đầu tư cho hệ thống đảo từ nay đến năm 2020 theo Quy hoạch này dự tính cần khoảng 162,5 ngàn tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2010 - 2015 cần khoảng 51,8 tỷ đồng. Theo cơ chế huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư

đề ra trong Quy hoạch, sẽ ưu tiên sử dụng vốn ngân sách (trung ương và địa phương) cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông kết nối các đảo với đất liền, các công trình cấp điện, cấp nước...; thực hiện các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư để thu hút các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển sản xuất trên các vùng đảo; tăng cường nguồn vốn ODA cho đầu tư phát triển kinh tế hệ thống đảo, đổi mới cơ chế

thu hút vốn FDI và xây dựng chính sách đồng bộ tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn vốn FDI và phát triển kinh tế đảo; mở rộng các hình thức đầu tư BOT, BT và các hình thức khác để thu hút nhiều nguồn vốn tập trung đầu tư phát triển các đảo trong thời gian ngắn.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Thông tư số 10/2010/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu

Ngày 13/5/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Thông tư số 10/2010/TT-BKH quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu theo Điều 5 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng, bao gồm quy định về điều kiện tổ chức hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu; giảng viên đấu thầu; đăng ký, đăng tải thông tin cơ sở đào tạo vào hệ thống dữ liệu; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu, chương trình khung, cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu; quản lý hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu.

Đối tượng áp dụng của Thông tư bao gồm các cơ sở đào tạo, cá nhân có liên quan trong hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu; các cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động đấu thầu; các cơ quan quản lý về đấu thầu.

Theo Thông tư này, điều kiện để tổ chức hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu bao gồm: có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật với ngành nghề kinh doanh, hoạt động là tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu; có đội ngũ giảng viên đấu thầu đáp ứng quy định; có tên trong hệ thống dữ liệu

cơ sở đào tạo đấu thầu; có tài liệu giảng dạy đáp ứng quy định (chỉ áp dụng đối với khóa học chương trình cơ bản, chương trình nâng cao).

Giảng viên đấu thầu phải đáp ứng đủ các điều kiện: Tốt nghiệp đại học trở lên; Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong các hoạt động đấu thầu: giảng dạy về đấu thầu; quản lý nhà nước về đấu thầu; soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn về đấu thầu; có tên trong hệ thống dữ liệu giảng viên đấu thầu.

Cá nhân có nhu cầu đăng ký giảng viên đấu thầu cần gửi đơn đề nghị kèm theo lý lịch khoa học (bằng văn bản) theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư này đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi dưới dạng tập tin đến địa chỉ daotaodauthau@mpi.gov.vn để được đăng tải vào hệ thống dữ liệu giảng viên đấu thầu.

Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu gồm chương trình cơ bản và chương trình nâng cao. Đối với cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động đấu thầu bắt buộc phải học qua chương trình cơ bản, trừ các nhà thầu. Thời lượng khóa học là 3 ngày, tương đương 24 tiết học. Chương trình nâng cao dành cho cá nhân có nhu cầu và đã có chứng chỉ khóa học chương trình cơ bản. Thời lượng chương trình nâng cao tối thiểu 05 ngày, tương đương tối thiểu 40 tiết học.

Các cơ sở đào tạo có thể tổ chức khóa học theo các chuyên đề như: phổ biến các văn bản mới; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; hợp đồng; xử lý tình huống trong đấu thầu; đấu thầu qua mạng...

Học viên được cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện: tham dự ít nhất 90% thời lượng của khóa học, làm bài kiểm tra cuối khóa được đánh giá từ đạt yêu cầu trở lên. Cá nhân đã được cấp chứng chỉ có thể đề nghị cơ sở đào tạo cấp lại

chứng chỉ trong các trường hợp chứng chỉ bị rách nát, hư hại hoặc bị mất. Cơ sở đào tạo không cấp lại chứng chỉ trong trường hợp chứng chỉ đã được cấp trước đó quá 05 năm kể từ ngày cuối cùng của khóa học.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2010 và thay thế Quyết định số 678/2008/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quy định về chứng chỉ tham gia khóa học về đấu thầu.

(Xem toàn văn tại: www.mpi.gov.vn)

Thông tư số 72/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế đặc thù về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án "Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa"

Ngày 11/5/2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 72/2010/TT-BTC hướng dẫn cơ chế đặc thù về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án "Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa", áp dụng cho các Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới tại 11 xã thí điểm (Ban QLDA) thực hiện Đề án.

Theo đó, các khoản chi cho cá nhân quy định tại Thông tư này chỉ áp dụng cho cán bộ Ban Quản lý dự án (QLDA) trong thời gian tham gia thực hiện Đề án.

Theo Thông tư này, định mức chi phí quản lý dự án thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Dự án đầu tư sử dụng nguồn kinh phí đầu tư thuộc nguồn vốn nào thì dự toán chi phí quản lý dự án được trích từ nguồn vốn đó (theo tỷ lệ của từng nguồn vốn trong Quyết định phê duyệt dự án

đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình được duyệt).

Chế độ chi tiêu của Ban QLDA thực hiện theo các quy định về quản lý tài chính hiện hành đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định cụ thể tại Thông tư này, như: mức chi phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án một tháng cho một cá nhân tối đa bằng 50% tiền lương và phụ cấp lương một tháng của cá nhân đó (kể cả trường hợp kiêm nhiệm quản lý nhiều dự án); mức chi này tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/ tháng. Trường hợp cán bộ tham gia Ban QLDA (theo Quyết định của cấp có thẩm quyền) không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước thì được hưởng mức thù lao không quá 500.000 đồng/người/tháng. Khoản kinh phí văn phòng phẩm sử dụng chung cho Ban QLDA là 200.000đ/tháng; kinh phí văn phòng phẩm cho cá nhân thuộc Ban QLDA là 25.000 đồng/người/tháng; Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc: khoản trực tiếp cho cá nhân thuộc Ban QLDA 50.000đồng/người/ tháng.

Để đảm bảo sử dụng chi phí quản lý dự án tiết kiệm và có hiệu quả, hàng năm, Ban QLDA thực hiện việc lập dự toán chi phí quản lý dự án, trình cấp thẩm quyền thẩm định và phê duyệt dự toán làm căn cứ thực hiện. Căn cứ văn bản thẩm định dự toán của Phòng Tài chính - kế hoạch huyện, Chủ tịch UBND xã kiểm tra, rà

soát và phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án gửi các đơn vị liên quan để thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.mof.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quy định về miễn giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và hỗ trợ tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng khi được Nhà nước giao đất tái định cư để giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Hà Nội

Ngày 05/5/2010, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND Quy định về miễn giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và hỗ trợ tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng khi được Nhà nước giao đất tái định cư để giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định này, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất cho đối tượng là người có công với cách mạng khi được giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất thuộc địa bàn quản lý. Giám đốc Sở Xây dựng quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất cho đối tượng là người có công với cách mạng khi mua nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo Nghị định 61/CP ngày 5/7/1994 của Chính phủ.

Đối tượng là người có công với cách mạng đã được miễn giảm tiền sử dụng đất khi được giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, được mua nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không

được hỗ trợ tiền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất tái định cư để giải phóng mặt bằng. Trường hợp người có công với cách mạng lựa chọn được hỗ trợ tiền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất tái định cư để giải phóng mặt bằng thì không được xem xét miễn giảm tiền sử dụng đất khi được nhà nước giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, được mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối tượng là người hoạt động cách mạng từ trước ngày 01/01/1945 (thuộc diện Lão thành Cách mạng) và đối tượng là người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 (cán bộ cách mạng tiền khởi nghĩa) được hỗ trợ tiền sử dụng đất theo quy định của Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Đối tượng là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức lao động từ 82% trở lên; thân nhân liệt sỹ đang hưởng tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng được hỗ

trợ 100% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao nhưng tối đa không quá 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Đối tượng là người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức lao động từ 61% đến dưới 81% được hỗ trợ 90% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao nhưng tối đa không quá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Đối tượng là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị mất sức lao động từ 41% đến dưới 61% được hỗ trợ 80% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao, nhưng tối đa không quá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Đối tượng là thân nhân liệt sỹ (bao gồm cả đối tượng là thân nhân liệt sỹ không được hưởng trợ cấp hàng tháng), người có công giúp

đỡ cách mạng được hưởng trợ cấp hàng tháng; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị mất sức lao động từ 21% đến dưới 41% được hỗ trợ 70% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao, nhưng tối đa không quá 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Đối tượng là người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến Hạng I hoặc Huân chương Chiến thắng hạng I được hỗ trợ 65% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao nhưng tối đa không quá 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.hanoi.gov.vn)

Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các tổ chức trên địa bàn thành phố Hà Nội

Ngày 10/5/2010, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ban hành Quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các tổ chức trên địa bàn thành phố Hà Nội. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND, 54/2009/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội.

Bản Quy định ban hành kèm theo Quyết

định số 18/2010/QĐ-UBND áp dụng đối với các tổ chức gồm trong nước (cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức kinh tế - xã hội, tổ chức sự nghiệp công, đơn vị vũ trang nhân dân và các tổ chức khác theo quy định của Chính phủ); cơ sở tôn giáo; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư vào Việt Nam theo pháp luật về đầu tư; cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, nhà ở, công trình xây

dụng, nông nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan.

Theo đó, việc chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất chỉ thực hiện với những thửa đất thuộc trường hợp được chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Các loại tài sản gắn liền với đất được chứng nhận quyền sở hữu bao gồm nhà ở, công trình xây dựng, cây xanh lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng. Tài sản gắn liền với đất chỉ được chứng nhận quyền sở hữu khi tài sản thuộc quyền sở hữu của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận và đã hình thành trên thực tế tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận.

Các tài sản gắn liền với đất không được cấp Giấy chứng nhận gồm: Nhà ở, công trình xây dựng làm bằng các vật liệu tạm thời (tranh, tre, nứa, lá, đất); các công trình phụ trợ như nhà để xe, nhà bếp, nhà vệ sinh, giếng nước, bể nước, sân, tường rào, cột điện, hệ thống cấp, thoát nước sinh hoạt, đường nội bộ và các công trình phụ trợ khác; Tài sản gắn liền với đất đã có quyết định thông báo giải tỏa, phá dỡ hoặc đã có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Nhà ở, công trình được xây dựng sau thời điểm công bố cấm xây dựng hoặc thời điểm công bố quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn (gọi chung là quy hoạch) mà không phù hợp với quy hoạch tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận; lán, chiếm mốc giới bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật, đê điều, di tích lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng; Tài sản không thuộc trường hợp được chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; Tài sản thuộc sở hữu nhà nước do cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp công, đơn vị vũ trang nhân dân quản lý, sử dụng; tài sản gắn liền với đất không thuộc trường hợp được chứng nhận quyền sở hữu và các tài sản gắn liền với đất đang có tranh chấp, khiếu nại.

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận và đăng

ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật trước khi nhận Giấy chứng nhận hoặc nhận lại Giấy chứng nhận khi đăng ký biến động.

Tổ chức được xem xét chứng nhận quyền sử dụng đất khi có đủ các điều kiện: có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động phù hợp với pháp luật; đang sử dụng đất ổn định, đúng mục đích, có hiệu quả, không có tranh chấp; chấp hành các quy định của pháp luật trong việc sử dụng đất. Những trường hợp được chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm:

- Tổ chức đang sử dụng đất thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Đất đai mà chưa được UBND thành phố cho phép tiếp tục sử dụng dưới hình thức giao đất, cho thuê đất bằng quyết định hành chính;

- Tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác trước ngày 01/7/2004 nay có biến động về người sử dụng đất, diện tích, hình thể thửa đất được giao, được thuê hoặc thuộc đối tượng chuyển sang hình thức thuê đất;

- Tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất sau ngày 01/7/2004 (trừ trường hợp thuê đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn); tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trước ngày Luật Đất đai 2003 có hiệu lực thi hành mà không có biến động về sử dụng đất;

- Tổ chức được Ban quản lý khu công nghệ cao, khu kinh tế giao đất, cho thuê đất trong khu công nghệ cao, khu kinh tế;

- Tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê đất và thuê lại đất gắn với kết cấu hạ tầng của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao phù hợp với pháp luật;

- Tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất.

Theo bản Quy định này, chủ sở hữu nhà ở được chứng nhận quyền sở hữu nhà ở nếu thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nhà ở và có giấy tờ chứng minh việc tạo lập hợp pháp về nhà ở.

Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê thì phải có một trong những giấy tờ về dự án nhà ở để cho thuê (quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư). Trường hợp mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật thì phải có giấy tờ về giao dịch đó theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Trường hợp chủ sở hữu nhà ở không đồng thời là người sử dụng đất thì cần có thêm hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn, hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở có công chứng hoặc chứng thực và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Về chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, theo Quy định này, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong trường hợp tạo lập công trình xây dựng thông qua đầu tư

xây dựng mới thì phải có một trong các loại giấy tờ: quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư dự án, giấy phép đầu tư dự án, giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp và giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất với người sử dụng đất có mục đích sử dụng đất phù hợp với mục đích xây dựng công trình. Trường hợp tạo lập công trình xây dựng bằng một trong các hình thức mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật thì phải có văn bản về giao dịch đó theo quy định của pháp luật; Trường hợp không có các giấy tờ trên thì phải được cơ quan quản lý về xây dựng của Thành phố xác nhận công trình xây dựng tồn tại trước khi có quy hoạch xây dựng mà nay vẫn phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các điều kiện kỹ thuật, an toàn khi vận hành, sử dụng mà không có tranh chấp về quyền sở hữu công trình xây dựng.

Trường hợp chủ sở hữu công trình xây dựng không đồng thời là người sử dụng đất thì ngoài giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu công trình theo quy định còn cần phải có văn bản của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình đã được công chứng hoặc chứng thực và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai; hoặc có hợp đồng thuê đất, hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia sản phẩm, hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

(Xem toàn văn tại: www.hanoi.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm hiện trường - Phần 4: Thí nghiệm nén ngang MÉNARD

Ngày 14/5/2010, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu kết quả của đề tài nghiên cứu biên soạn Tiêu chuẩn Việt Nam: “Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm hiện trường – Phần 4: Thí nghiệm nén ngang MÉNARD” do ThS. Nguyễn Huy Long - Viện KHCN Xây dựng làm Chủ nhiệm đề tài.

Trong nhiều năm qua, thí nghiệm nén ngang trong hố khoan ở Việt Nam đã được thực hiện cho nhiều dự án và các công trình khác nhau và mang lại hiệu quả cao đối với các công trình thiết kế không gian ngầm. Phương pháp thí nghiệm này có thể xác định trực tiếp các thông số sức bền và biến dạng của đất ngoài hiện trường, từ các thông số cơ bản mà thí nghiệm xác định được sẽ giúp mang lại kết quả tính toán chính xác hơn trong quá trình thiết kế. Trên thế giới phương pháp thí nghiệm này đã được tiêu chuẩn hoá tại Mỹ, châu Âu, và cũng được nhiều nước sử dụng làm tiêu chuẩn chính thức. Ở Việt Nam, tiêu chuẩn dùng cho thí nghiệm nén ngang mặc dù đã ban hành từ rất lâu, song chưa đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của công tác thí nghiệm, mục đích của việc chuyển dịch tiêu chuẩn thí nghiệm nén ngang của châu Âu sang tiếng Việt cũng là nhằm nâng cao tính chính xác của công tác thí nghiệm, sử dụng thống nhất các biểu bảng thí nghiệm và kết quả đưa ra cũng như thống nhất về các thuật ngữ sử dụng.

Công tác biên soạn tiêu chuẩn được thực hiện trên cơ sở chuyển dịch từ tiêu chuẩn thí nghiệm nén ngang của châu Âu ISO/DIS 22476-4. Trong quá trình chuyển dịch nhóm tác giả đã tham khảo nhiều tài liệu chuyên ngành

trong và ngoài nước kết hợp với kinh nghiệm và kết quả áp dụng thực tế trong những năm qua. Tiêu chuẩn gồm 7 phần và 6 phụ lục, chỉ áp dụng cho thí nghiệm nén ngang MÉNARD cho các loại đất tự nhiên, đất đắp, đất gia cố hoặc không gia cố, đá mềm trên thêm lục địa cũng như ngoài biển. Các thuật ngữ và định nghĩa trong tiêu chuẩn sẽ giúp cho công tác thực hiện thí nghiệm và báo cáo kết quả được tiêu chuẩn hoá ở mức độ cao nhất, đồng thời trong tiêu chuẩn cũng đã quy định ra 72 loại ký hiệu khác nhau, qua đó sẽ hỗ trợ cho việc thí nghiệm và tính toán kết quả thí nghiệm thêm chuẩn xác.

Để tiến hành thí nghiệm, trong tiêu chuẩn đã mô tả các thiết bị chính gồm: đầu đo, bộ phận đo chiều dài, bộ phận tạo áp trong thí nghiệm và một số các phụ kiện khác. Phần đo được mô tả chi tiết về cấu tạo và công năng sử dụng cho các loại đầu đo khác nhau, việc trình bày chi tiết về cấu tạo và công năng của mỗi loại đầu đo giúp bổ sung kiến thức cơ bản cho người làm thí nghiệm. Đối với đầu đo, có 2 loại được sử dụng là đầu đo với vỏ mềm và đầu đo với vỏ cứng và hoặc là thêm vào ống bảo vệ cứng hơn hoặc ống thép có xẻ rãnh, nhưng yêu cầu đầu đo phải có khả năng nở thể tích ít nhất là 700cm^3 (550cm^3 đối với đầu đo có khoang trung tâm ngắn bọc bởi ống thép xẻ rãnh). Cấu tạo đầu đo gồm một lõi thép rỗng có lỗ thông qua để bơm chất lỏng vào làm nở các khoang, đầu đo được lấp khí với màng khoang đo trung tâm, bọc bên ngoài là một lớp vỏ mềm. Trên bề mặt cong của ống thép lõi có một hệ thống rãnh dùng để phân bố đều chất lỏng trong khoang trung tâm dưới màng, màng bọc khoang trung tâm và vỏ mềm được gắn cố định vào lõi này. Màng cao

su bọc khoang đo trung tâm sẽ giúp cách ly chất lỏng trong khoang trung tâm với khí trong các khoang bảo vệ. Phần vỏ mềm phía ngoài màng cao su bọc khoang đo trung tâm cũng được làm dưới dạng có bảo vệ bằng các dải thép mỏng rộng 17mm hoặc được xếp chồng lên hoặc bị cách ly nằm giữa hai vành cố định ở bên ngoài vỏ. Các ống dẫn chất lỏng và khí được nối từ các khoang đến bộ điều khiển CU (Bộ điều khiển áp lực và thể tích), vòi thoát nước của khoang đo cũng được gắn ở dưới lõi thép này.

Đối với bộ điều khiển (CU), sẽ tiến hành lắp xung quanh ống trụ đo thể tích, nhưng yêu cầu phải kín với dụng cụ tạo áp lực và các dụng cụ đo đặc khác, bộ điều khiển CU có chức năng kiểm soát sự nở ra khoang trong đầu đo và cho phép đọc đồng thời áp lực chất lỏng, khí và thể tích chất lỏng được bơm theo thời gian. Dụng cụ tạo áp lực sẽ cho phép: đạt được áp lực giới hạn ít nhất bằng 5Mpa, giữ ổn định mỗi cấp áp lực trong khoang đo và các khoang bảo vệ trong thời gian thí nghiệm, thực hiện tăng một số gia áp lực 0,5Mpa trong khoảng thời gian nhỏ hơn 20s, kiểm soát sự chênh lệch áp lực giữa khoang đo và các khoang bảo vệ, bơm một lượng thể tích chất lỏng vào khoang đo lớn hơn 700cm³...

Về quy trình thí nghiệm, trong tiêu chuẩn đã mô tả chi tiết về cách thực hiện thí nghiệm theo các bước đã quy định và bao gồm cả các yếu tố kinh nghiệm. Trước tiên là khâu lắp ráp thiết bị, vỏ ngoài, màng cao su và có thể ống xả rãnh nếu cần thiết được lựa chọn theo các thông số ứng suất biến dạng dự kiến của đất thí nghiệm mà trong đó đầu đo được sử dụng, chúng phải thoả mãn các yêu cầu đã đưa ra trong tiêu chuẩn, sau đó đầu đo được liên kết với bộ điều khiển thông qua các ống dẫn (dây nối), toàn bộ hệ thống được đổ đầy nước và khử hết bọt khí. Trong thí nghiệm nén ngang chất lượng thành lõi thí nghiệm nén ngang rất quan trọng. Có 3 điều kiện cần thiết để thu được một

lõi thí nghiệm nén ngang đạt yêu cầu là: Thiết bị và phương pháp sử dụng để chuẩn bị lõi thí nghiệm nén ngang phải đảm bảo làm xáo trộn ít đất nhất tại thành lõi thí nghiệm; đường kính của dụng cụ cắt nạo lõi phải thoả mãn sai số cho phép; Phải tiến hành thí nghiệm nén ngang ngay sau khi làm xong lõi thí nghiệm nén ngang. Ngoài ra, yêu cầu trong mỗi lõi khoan thí nghiệm khoảng cách tối thiểu giữa 2 vị trí thí nghiệm liên tiếp không được nhỏ hơn 0,75m, khoảng cách thông thường giữa tâm 2 vị trí thí nghiệm liên tiếp là 1m, độ sâu tối thiểu để thực hiện thí nghiệm theo quy định là 0,75m kể từ mặt đất tự nhiên. Trước khi tiến hành thí nghiệm, bộ điều khiển áp lực và thể tích (CU) và bộ phận ghi nhận số liệu phải được che chắn, vị trí thí nghiệm nén ngang phải được đánh dấu trên bản vẽ và được định vị vị trí chi tiết, nếu lõi khoan thí nghiệm bị nghiêng thì độ nghiêng và hướng nghiêng phải được ghi lại, sau đó đối với mỗi điểm thí nghiệm phải tiến hành: khởi động bộ phận ghi nhận số liệu, số đọc ban đầu của mỗi đầu cảm biến phải được kiểm tra và nếu cần phải ghi chép lại, các thông số nhận dạng của thí nghiệm sẽ được ghi lại hoặc lưu lại trong bộ nhớ của thiết bị hoặc trong bản ghi kết quả. Tiếp đến là thiết lập chương trình gia tải, sự chênh lệch áp lực, quá trình giãn nở, đọc và ghi lại các thông số hiển thị. Để kết thúc thí nghiệm, nếu không được chỉ định thì thí nghiệm được kết thúc khi số liệu thu thập được làm thoả mãn mục đích sử dụng trong phạm vi khả năng của thiết bị, thông thường điều kiện dừng sẽ là: áp lực đạt ít nhất 5 Mpa hoặc khi thể tích chất lỏng bơm vào khoang đo trung tâm lớn hơn 600cm³ (450 cm³ đối với đầu đo ngắn có vỏ là ống xả rãnh) hoặc khi màng cao su của đầu đo bị nổ. Sau khi kết thúc thí nghiệm phải tiến hành lắp các hố khoan để bảo vệ môi trường một cách lâu dài và cuối cùng là báo cáo kết quả thí nghiệm.

Theo đánh giá của TS. Nguyễn Trung Hòa - Chủ tịch Hội đồng, đây là bản dự thảo rất quan

trọng, đáp ứng nhu cầu thực tế hiện nay. Theo như những ý kiến đóng góp của các thành viên trong hội đồng, do tiêu chuẩn được chuyển dịch từ tiêu chuẩn gốc EN ISO 22476, mà tiêu chuẩn gốc gồm 14 phần, nhưng trước mắt chỉ có phần 4 là được chuyển dịch sang tiếng Việt, nên yêu cầu sau khi chuyển dịch sang tiếng Việt tên đầu đề tiêu chuẩn sẽ lược bỏ cụm từ “phần 4”, và sẽ có tên đầu đề mới là: “Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm hiện trường. Thí

NGHIỆM NÉN NGANG MÉNARD”. Sau khi chỉnh sửa và bổ sung những chi tiết cần thiết, nhóm tác giả phải chuyển bộ tiêu chuẩn này tới các chuyên gia chuyên ngành xem xét, đánh giá để bộ tiêu chuẩn được hoàn thiện hơn và sớm được ban hành.

Đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Khá./.

Bích Ngọc

Ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng trong các khu đô thị mới

1. Nhân tố quy hoạch, thiết kế và con người hướng tới sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả và bảo vệ môi trường

Trước thực tế các nguồn tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam ngày càng cạn kiệt, một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Chính phủ là đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Trong các công trình dân dụng, mục tiêu đề ra là làm thế nào để các công trình đó tiêu thụ năng lượng ít nhất có thể, đồng thời sử dụng tối đa năng lượng tái tạo. Chẳng hạn như trong xây dựng, người ta cố gắng hướng các công trình sao cho các phòng vào mùa nóng được thổi mát bằng nguồn gió và mùa lạnh được sưởi ấm bằng năng lượng mặt trời theo cách tự nhiên nhiều nhất. Các loại vật liệu nhằm sử dụng tiết kiệm năng lượng cũng được tính đến. Bên cạnh việc sử dụng các vật liệu có khả năng cách nhiệt cao để năng lượng sử dụng bị thất thoát ít nhất thì giải pháp đặt các tấm pin quang điện hay hệ thống nước nóng trên mái nhà thu năng lượng mặt trời để cung cấp điện năng và cung cấp nước nóng trực tiếp cho ngôi nhà cũng đang là hướng phổ biến.

Việt Nam với vị trí địa lý nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa quanh năm nhiều ánh nắng nên việc áp dụng phát triển và phổ biến các công nghệ sử dụng nguồn năng lượng mặt trời

trong giai đoạn trước mắt và lâu dài sẽ rất thuận lợi, mang lại những hiệu quả kinh tế xã hội vô cùng to lớn.

Cùng với việc phát triển các khu đô thị trên khắp cả nước, Tổng Công ty HUD - Công ty mẹ của Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam đã bước đầu nghiên cứu triển khai áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng vào các dự án khu đô thị mới, hướng tới phát triển các khu đô thị mới theo hướng xanh, sạch, bền vững và thân thiện với môi trường, nâng cao tiện nghi tại các công trình xây dựng, sử dụng tiết kiệm nguồn điện và nguồn nước một cách hợp lý, làm tăng hiệu quả kinh tế, giảm bớt các chi phí sinh hoạt cho người dân, định hướng và dẫn tạo nếp sinh hoạt sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên cho người dân tới định cư tại các khu đô thị mới. Tổng Công ty đã cử các đoàn cán bộ ra nước ngoài khảo sát, tìm hiểu kỹ thuật để áp dụng cho các dự án của Tổng Công ty. Năm 2009, Tổng Công ty đã triển khai thí điểm dự án chung cư CT9 tại Khu đô thị mới Việt Hưng với sự hỗ trợ của Vụ Khoa học công nghệ - Môi trường (Bộ Xây dựng), Văn phòng Tiết kiệm năng lượng (Bộ Công thương).

2. Công nghệ và nguyên lý hoạt động của hệ thống tiết kiệm năng lượng ứng dụng vào các dự án nhà ở, khu đô thị mới

Hiện nay tại một số thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, việc sử dụng hệ

thống hấp thụ năng lượng mặt trời để đun nước nóng dùng trong sinh hoạt, công nghiệp đã trở nên phổ biến. Hệ thống này được lắp đặt trên nóc các tòa nhà chung cư cao tầng, thấp tầng và ngay cả trên mái của các nhà máy trong khu công nghiệp.

Bên cạnh đó là hệ thống pin mặt trời với nhiều tính năng ưu việt được ứng dụng cho các hệ thống cung cấp nước nóng, hệ thống đèn chiếu sáng hành lang trong các chung cư, một số khu nhà biệt thự thấp tầng. Ngoài việc đáp ứng nguồn chiếu sáng tại các khu chung cư, hệ thống pin năng lượng còn được ứng dụng phát triển là nguồn cấp điện chiếu sáng công cộng khu dân cư, nguồn điện cho các hệ thống đèn đường giao thông, hệ thống biển báo chỉ dẫn trên các trục đường quốc lộ bằng đèn LED...

2.1 Thiết bị hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời thu nhiệt qua ống chân không

Bao gồm hệ thống tụ nhiệt, hệ thống tích nước, hệ thống điều khiển, hệ thống đường dẫn 4 bộ phận tạo thành. Nguyên lý hệ thống nước nóng tụ nhiệt công suất lớn và hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời dùng cho gia đình đều như nhau, nó chỉ khác với hệ thống dạng lớn của bộ điều khiển trung ương. Hệ thống nước nóng tụ nhiệt rất thích hợp với nhà chung cư cao tầng, nhà xưởng, bệnh viện, khách sạn, trường học... những nơi mà cần đến lượng nước nóng lớn.

Hệ thống này bao gồm bình chứa nước nóng, giàn ống tụ nhiệt chân không kiểu tụ nhiệt hoặc chữ U, đường ống cung cấp nước, bộ phận khuấy đảo nước nóng và bộ điều khiển trung tâm cùng với các sensor cảm biến. Nhiệt độ nước phụ thuộc vào cường độ ánh sáng nên bộ phận quan trọng nhất của hệ thống chính là giàn ống tụ nhiệt. Chất liệu đặc biệt gắn lên giàn ống hấp thụ nhiệt năng từ ánh sáng có thể sinh ra nước nóng ngay cả khi không có ánh nắng mặt trời. Khi trời nắng, nhiệt độ của nước cao nhất có thể đạt được là khoảng 80°C. Tùy theo số lượng căn hộ sử dụng nước nóng mà tính toán diện tích của dàn ống và bình chứa



Đoàn cán bộ TCty HUD khảo sát việc sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng tại Trung Quốc

nước cho phù hợp, tránh lãng phí. Chi phí ban đầu để lắp đặt toàn bộ hệ thống khá cao so với các phương pháp và thiết bị cung cấp nước nóng khác, nhưng bù lại các chi phí phát sinh khi sử dụng sau này là không có, ngoại trừ chi phí bảo dưỡng (tương đối rẻ tiền) cho hệ thống sau vài năm sử dụng và đặc biệt không làm ô nhiễm môi trường.

2.2 Hệ thống tụ nhiệt năng lượng mặt trời chân không kiểu ống hình chữ U

Máy tụ nhiệt năng lượng mặt trời chân không kiểu ống hình chữ U, trong quá trình vận hành trước tiên do lớp sơn hấp thụ ánh sáng mặt trời rồi chuyển hóa thành nhiệt năng, sau đó thông qua miếng truyền nhiệt và ống đồng hình chữ U theo cách truyền nhiệt đem năng lượng chuyển đến công việc truyền sóng âm. Truyền sóng âm thông qua việc bơm bắt buộc tuần hoàn, tăng nhiệt độ nước trong thùng nước nóng. So với máy tụ nhiệt mặt phẳng, các đặc điểm như tổn thất nhỏ, tính năng thích ứng lớn, tầng lớp chịu được sự lão hóa. Nó có thể cung cấp nước nóng cho một gia đình và cũng có thể thông qua phương pháp kết nối để cung cấp nước nóng cho cả công trình lớn.

Nguyên lý làm việc của hệ thống tụ nhiệt ống nhiệt: ánh sáng mặt trời chiếu lên ống chân không, ống chân không hấp thụ ánh sáng chuyển hóa thành nhiệt lượng, đồng thời thông qua miếng truyền nhiệt, để truyền sóng âm đến bộ phận dẫn nước của ống trong theo sự tự nhiên, truyền sóng âm dẫn nhiệt đến khu nước

lạnh để trao đổi nhiệt, từ đó từng bước lấy nước lạnh tăng nhiệt chuyển thành nước nóng.

2.3 Thiết bị hệ thống tấm pin năng lượng mặt trời:

Các tấm bán dẫn hấp thụ năng lượng mặt trời trực tiếp sinh ra điện năng (dòng điện 1 chiều) được kết nối với nhau và gắn lên các nóc nhà, trên mặt ngoài tường nhà nơi có tiếp xúc nhiều nhất với ánh nắng mặt trời để tận dụng tối đa hiệu quả sử dụng. Chỉ cần có ánh sáng, các tấm bán dẫn có thể sinh ra điện năng. Nhiều tấm bán dẫn kết nối với nhau tạo ra điện áp đủ mạnh để nạp vào ắc quy và sau đó có thể sử dụng từ nguồn điện ắc quy để thắp đèn hoặc dùng cho các thiết bị điện khác. Ưu điểm của hệ thống pin mặt trời là chủ động cung cấp nguồn năng lượng điện cho sử dụng, các thiết bị sử dụng điện có tuổi thọ cao do dòng điện ổn định, hoàn toàn không gây ra ô nhiễm môi trường, nhưng nhược điểm của hệ thống này là giá thành đầu tư cao. Tuổi thọ của các tấm bán dẫn trung bình khoảng 15 năm, của ắc quy là khoảng 2-3 năm tùy theo mức độ sử dụng.

Trên thực tế, nếu một căn biệt thự được lắp đặt hệ thống pin mặt trời trên mái nhà thì nó có thể cung cấp đủ điện năng thắp sáng và sinh hoạt hàng ngày (cả ngày và đêm). Nhưng nếu áp dụng pin mặt trời cho một nhà chung cư cao tầng để chiếu sáng các đèn hành lang công cộng thì diện tích trên mái nhà chung cư là không đủ để các tấm bán dẫn sinh ra đủ lượng điện năng cần thiết, do vậy cần có giải pháp tăng diện tích lắp đặt các tấm bán dẫn. Trong

trường hợp này, giải pháp là tạo một giàn không gian trên các mái nhà chung cư và liên kết với nhau (từ 02 chung cư trở lên). Ngoài phần diện tích trên mái các nhà chung cư lắp đặt các tấm bán dẫn còn có thêm phần diện tích ở giữa hai tòa nhà để lắp đặt các tấm bán dẫn, đảm bảo đủ điện năng để sử dụng cho các tòa nhà chung cư. Giàn không gian trong trường hợp này vừa có tác dụng tăng diện tích pin mặt trời, vừa có tác dụng tạo dáng kiến trúc cho quần thể các nhà chung cư. Một khía cạnh khác về hiệu quả sử dụng điện năng: khi kết nối nhiều nhà chung cư lại với nhau mà vẫn sử dụng chung một hệ thống pin mặt trời thì bộ điều khiển trung tâm sẽ xử lý việc phân phối cấp điện một cách hợp lý hơn, hiệu suất sử dụng điện năng sẽ được tăng lên, mang lại hiệu quả lớn hơn cho việc đầu tư.

Ngoài các ứng dụng trên, hệ thống tấm pin năng lượng mặt trời còn được sử dụng rộng rãi làm nguồn điện tại các khu vực biên giới, hải đảo. Tại các nơi hẻo lánh, cách xa lưới điện quốc gia, nguồn điện từ pin năng lượng mặt trời là nguồn chủ yếu phục vụ nhu cầu thắp sáng, thu phát sóng truyền hình, các hoạt động y tế, bơm nước sinh hoạt, an ninh quốc phòng...

Với những hiệu quả kinh tế xã hội to lớn, việc phát triển và sử dụng các hệ thống tiết kiệm năng lượng vào các dự án nhà ở, khu đô thị mới, trong tương lai gần sẽ là xu thế tất yếu góp phần vào sự phát triển bền vững.

Nguyễn Xuân Nguyên

Phòng Đầu tư - Tổng Công ty HUD

E-Block - công nghệ và ứng dụng

Ứng dụng công nghệ tiên tiến từ các nước phát triển luôn là ưu tiên hàng đầu cho tất cả các ngành công nghiệp, đặc biệt là ngành Xây dựng đang bùng nổ tại Việt Nam. Để giúp cho các nhà đầu tư, nhà thầu, thiết kế và người sử dụng có thêm chọn lựa trong các công trình của mình, chúng tôi xin giới thiệu công nghệ và ứng dụng của gạch bê tông chưng khí áp E-Block.

I. Tổng quan kinh tế Việt Nam

1.1. Bối cảnh thị trường

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng vượt bậc. Theo dự đoán của công ty nghiên cứu, quản lý, định giá bất động sản CB Richard Ellis (CBRE), thế kỷ 21 là thế kỷ của Châu Á. Mức tăng trưởng GDP năm 2010 sẽ ngang bằng năm 2008 cao hơn 2009

khoảng 1,2%. Bộ kế hoạch và Đầu tư đã đăng ký năm 2010 FDI sẽ đạt 22 -25 tỷ USD, nguồn xuất nhập khẩu sẽ tăng mạnh. Tốc độ đô thị hóa của Việt Nam tăng nhanh, tỉ lệ đô thị hóa năm 2004 là 25,8%, dự báo năm 2010 sẽ tăng lên 33% (Vụ Kiến trúc Quy hoạch - Bộ Xây dựng). Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, thị trường vốn được mở rộng, môi trường chính

sách tự do, ổn định, dân số và tốc độ đô thị hóa tăng sẽ kéo theo nhu cầu về nhà ở, văn phòng, trung tâm thương mại...

Theo dự báo, trong 3 năm (từ năm 2010-2012) khoảng 120 ngàn hộ gia đình, các nhân có nhu cầu mua nhà, căn hộ. Tuy nhiên, chỉ có hơn 45 ngàn căn hộ được xây dựng trong 3 năm từ 2010-2012.

Năm	2010	2011	2012
DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG CĂN HỘ ĐƯỢC CHÀO BÁN			
Hạng sang	121	803	200
Cao cấp	6935	4034	10.786
Trung bình	5567	7183	4448
Bình dân	3978	4822	1938
TỔNG CỘNG	16.601	16.842	17.372

1. 2. Nhu cầu gạch xây của nước ta

Mức tiêu thụ gạch hàng năm của nước ta khoảng 20-22 (tỷ viên). Để sản xuất một tỷ viên gạch đất sét nung có kích thước tiêu chuẩn sẽ tiêu tốn khoảng 1,5 triệu m³ đất sét, tương đương 75 ha đất nông nghiệp và 150 ngàn tấn than, đồng thời thải ra khoảng 0,57 triệu tấn khí CO₂ gây hiệu ứng nhà kính và các khí thải độc hại khác gây ô nhiễm môi trường. Theo dự báo, năm 2020 nhu cầu gạch xây cần khoảng 42 tỷ viên tiêu chuẩn. Nếu đáp ứng nhu cầu này bằng gạch đất sét nung sẽ tiêu tốn khoảng 57 đến 60 triệu m³ đất sét, tương đương 2.800 đến 3.000 ha đất nông nghiệp. (<http://sieuthixaydung.com.vn>).

Trong khi đó, mức độ tiêu thụ gạch không nung hiện nay tại Việt Nam chỉ chiếm khoảng 5% tổng sản lượng tiêu thụ. Chính vì vậy, Quyết định số 115/2001/QĐ-TTg về việc quy hoạch tổng thể ngành công nghiệp vật liệu xây dựng đến năm 2020 và định hướng đến 2020 của thủ

tướng Chính phủ phê duyệt ngày 01/08/2001 phải phát triển gạch không nung thay thế gạch đất nung, từ 10% đến 15% vào năm 2005 và 25% đến 30% vào năm 2010, xóa bỏ hoàn toàn gạch đất nung thủ công năm 2010.

- Quyết định số 121/2008-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020 đã đưa ra lộ trình quy hoạch phát triển vật liệu xây không nung thay thế gạch nung tới năm 2010.

- Công văn số 2383/BXD-VLXD ngày 27/11/2008 của Bộ Xây dựng gửi Sở Xây dựng các tỉnh thành phố phát triển vật liệu xây không nung thay thế cho gạch nung để giảm ô nhiễm môi trường.

Tuy nhiên, kế hoạch ổn định kinh tế, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động là bài toán khó khiến cho việc chuyển đổi cơ cấu theo yêu cầu của Chính phủ còn chậm.

II. Công nghệ

Trước những tác động bất lợi của gạch đất sét nung như: hủy hoại môi trường, giảm đất canh tác việc thay thế gạch đất sét nung bằng vật liệu xây không nung sẽ đem lại nhiều hiệu quả tích cực về các mặt kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường đồng thời hạn chế được các tác động bất lợi, góp phần xây dựng những ngôi nhà xanh. Với mong muốn phần nào đáp ứng những yêu cầu trên, tháng 6/2008, Công ty Cổ phần Gạch Khối Tân Kỷ Nguyên đã thành lập và xây dựng nhà máy gạch bê tông khí chưng áp tại cụm công nghiệp Thịnh Phát, Ấp 3, Xã Lương Bình, Bến Lức, tỉnh Long An. Công suất dự kiến của nhà máy trong năm 2010 đạt khoảng 100 ngàn m³/năm.

2.1. Giới thiệu E-Block

Gạch E-Block được sản xuất theo công nghệ bê tông khí chưng áp của Đức (Autoclaved Aerated Concrete - gọi tắt là AAC). AAC được phát minh bởi nhà thiết kế người Thụy Điển vào năm 1924. AAC được sử dụng ở Châu Âu đã hơn 80 năm, được bắt đầu sử dụng ở vùng Viễn Đông và Trung Đông từ cách đây hơn 40 năm. AAC được sử dụng ở châu Úc và châu Mỹ cách đây hơn 20 năm. Tại Mỹ bắt đầu sử dụng từ thập kỷ 90 của thế kỷ trước. Các nước ASEAN như Singapore, Thái Lan, Indonexia, Malaysia đều đã sử dụng gạch này từ những năm 90 của thế kỷ trước.

2.2. Giới thiệu dây chuyền và công nghệ

Gạch bê tông chưng khí áp E-Block được tạo ra từ những nguồn nguyên liệu như: cát, thạch cao, xi măng, vôi và bột nhôm. Quá trình sản xuất bắt đầu khi cát và thạch cao được tập hợp ở dạng thô và xử lý riêng lẻ, sau đó, được chuyển vào các bồn silo chứa từng loại riêng biệt. Tất cả các loại nguyên vật liệu này sẽ được tự động định lượng và pha trộn với nước, bột nhôm trong hệ thống máy trộn. Từ đây, các nguyên liệu phân bố theo lập trình để đổ vào các khuôn mẫu, sau đó được đưa qua hệ thống lưu hóa trong khoảng 2-3h. Tại đây sẽ xảy ra

phản ứng giữa Canxi hydroxit trong vôi đã tôi và bột nhôm, phản ứng sinh ra khí Hydro. Kết quả là dung dịch trong khuôn sẽ tăng lên về thể tích do có hàng triệu bọt khí bên trong.

Sau thời gian lưu hóa, khuôn mẫu sẽ được chuyển đến hệ thống dao cắt. Tại đây, gạch sẽ được cắt theo chiều dọc và chiều ngang để hình thành các kích thước theo yêu cầu. Sau khi được cắt theo kích thước lập trình, hệ thống sẽ đưa những bán thành phẩm này vào các nôi hấp trong khoảng thời gian từ 10-12 giờ, gạch E-Block được hình thành và đóng gói theo từng pallet.

2.3. Đặc tính

Nhờ những ưu thế đáng kinh ngạc như khả năng nổi trên mặt nước, siêu bền, dễ thi công, cách âm, cách nhiệt, tiết kiệm điện năng... E-Block thực sự là trong những giải pháp tối ưu nhất để dự án đạt đẳng cấp mới về chất lượng, kỷ lục về tiến độ và hiệu quả đầu tư.

- Siêu nhẹ

Với tỷ trọng siêu nhẹ 500-700 kg/m³, E-Block nhẹ đến mức có thể nổi trên mặt nước. So với gạch truyền thống, E-Block nhẹ hơn khoảng 2 lần. Do tải trọng tường gạch chiếm 25% tổng tải nên tải trọng công trình giảm đi khoảng từ 15% đến 20%. Điều này giúp chủ đầu tư giảm được:

- 12-20% kết cấu móng

- 15-20% khối lượng thép đối với kết cấu dầm và cột

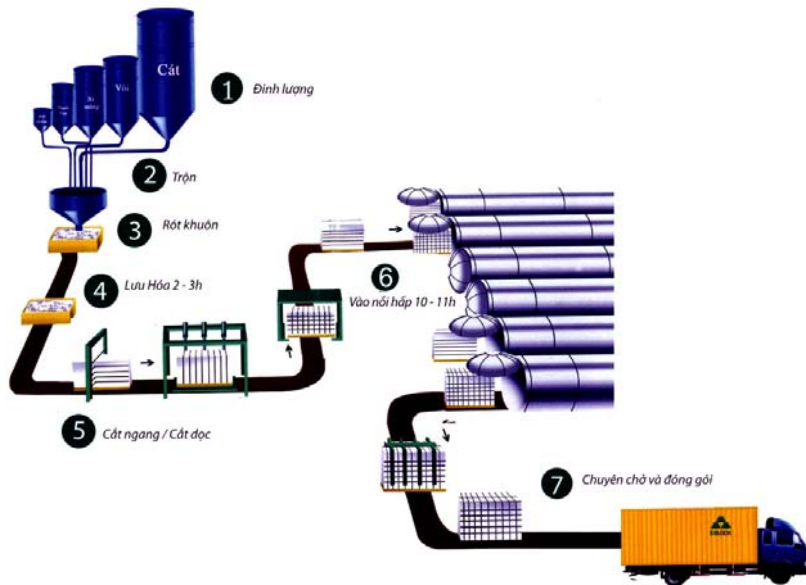
Vì thế, E-Block là phương án hữu hiệu nhất cho những dự án cao tầng hoặc xây trên nền địa chất yếu và là sự lựa chọn tối ưu của các nhà đầu tư xây dựng.

- Siêu bền

Với sự kiểm nghiệm gần 100 năm tại các nước Châu Âu, Mỹ, Nhật, Úc và các nước Đông Nam Á, gạch bê tông nhẹ đã trở thành lựa chọn ưu tiên hàng đầu cho các công trình yêu cầu về độ bền và không bị mối mọt, rêu bám.

- Thi công nhanh, dễ dàng

Ngoài những đặc tính nổi trội nêu trên, gạch



Sơ đồ dây chuyền sản xuất gạch E-Block

E-Block còn có các tính năng khác như: vận chuyển dễ dàng, đặc biệt trong quá trình xây dựng, kích thước sản phẩm đa dạng và lớn hơn 7-8 lần viên gạch truyền thống, khả năng khoan cắt nhanh gọn, tạo bề mặt tường phẳng trong thi công...

Với công nghệ sản xuất hiện đại trên dây chuyền sản xuất công nghiệp, công suất lớn, độ chính xác cao, bề mặt tường xây dựng từ gạch E-Block gần như phẳng tuyệt đối, giảm chi phí tô trát vữa tường tạo mặt phẳng,... giảm đến 30% chi phí về thời gian và nhân công trong xây dựng.

Trong tình hình khó khăn về tài chính và biến động về nguyên vật liệu như hiện nay, việc rút ngắn tiến độ thi công, giảm chi phí quản lý công trình, tăng vòng quay vốn là những vấn đề ưu tiên hàng đầu của khách hàng.

- Cách âm, cách nhiệt, tiết kiệm năng lượng

Trong môi trường ô nhiễm tiếng ồn ngày càng cao ở các đô thị Việt Nam, gạch E-Block với hàng triệu bọt khí bên trong giúp cách âm cực tốt, là giải pháp hữu hiệu cho các công trình xây dựng hiện đại và đẳng cấp hiện nay.

Khả năng cách nhiệt của gạch E-Block đã

được kiểm chứng: tiết kiệm đến 40% điện năng tiêu thụ cho máy điều hòa trong quá trình sử dụng. Không những thế, với tính năng ưu việt, E-Block có hiệu quả năng lượng 3-6 lần so với gạch đất nung thông thường. Quá trình tiêu hao năng lượng trong sản xuất gạch E-Block thấp hơn 30% so với quá trình sản xuất gạch nung. Đây cũng là sự đóng góp lớn cho sự an toàn năng lượng của đất nước trong xu thế cạn kiệt các nguồn năng lượng tự nhiên hiện đại.

- Chống cháy

Với cấu trúc vật liệu đặc biệt, gạch E-Block có khả năng không bắt lửa, ở cùng một độ dày, tường xây từ gạch E-Block chịu được cháy trong thời gian gấp 2 lần so với tường xây thông thường. Đặc biệt E-Block trong môi trường nhiệt độ không sinh ra khói độc hoặc hơi độc hại. Đây chính là ưu thế của gạch giúp giảm thiểu các thiệt hại về người cũng như tài sản.

III. Ứng dụng

Yêu cầu của khách hàng ngày càng cao, thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt đã thúc đẩy các nhà thiết kế, nhà thầu và chủ đầu tư không ngừng sáng tạo, áp dụng những phương pháp kỹ thuật mới, nâng cao chất lượng công

trình nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả đầu tư ở mức cao nhất.

Chính vì thế, gạch E-Block chính là sự lựa chọn hoàn hảo của khách hàng khi xây dựng các công trình khách sạn, trường học, cao ốc văn phòng, bệnh viện, chung cư, nhà ở, kho hàng, nhà máy và các công trình khác.

Với những ưu thế không thể phủ nhận, gạch AAC đã trở thành loại gạch xây phổ biến tại các nước phát triển trên thế giới. Tuy nhiên, việc đầu tư một dây chuyền sản xuất công nghiệp mới là hết sức khó khăn, như:

- Để tìm được một vị trí đất xây dựng nhà máy thuận tiện cho nguồn cung ứng nguyên liệu, phân phối và dễ dàng vận chuyển là hết sức khó khăn.

- Đặc biệt, việc đầu tư xây dựng một nhà máy công nghệ cao hết sức tốn kém, có thể lên đến hàng chục tỷ đồng. Thời gian xây dựng nhà máy chậm, thông thường phải mất từ 2-3 năm.

- Kỹ sư, công nhân Việt Nam chưa quen với việc vận hành dây chuyền theo công nghệ hoàn toàn mới nên gây khó khăn và chậm trễ trong sản xuất.

- Người sử dụng, các nhà đầu tư, chủ công

trình nước ta chưa nắm bắt được tính ưu việt của gạch block nên chưa tin tưởng và quan tâm đến việc sử dụng nó.

- Bao đời nay dân ta đã sử dụng gạch đất sét nung cỡ nhỏ, xây dựng thủ công, phù hợp với sản xuất nhỏ vì thế thợ xây không muốn sử dụng gạch block kích thước lớn, nặng, vận chuyển khó khăn nhất là khi đưa lên cao.

- Thị phần gạch block nhỏ, xây dựng hệ thống phân phối khó khăn. Giá gạch block cao gấp 2 lần so với gạch đất sét nung. Đây là mối quan tâm lớn của khách hàng khi sử dụng cho các công trình.

Mặc dù còn nhiều khó khăn và thách thức trước mắt, Công ty Tân Kỷ Nguyên đang dần hoàn thiện nhà máy để trở thành một trong những đơn vị tiên phong xây dựng nhà máy sản xuất vật liệu gạch bê tông nhẹ, với hi vọng tạo được bước đột phá trong ngành vật liệu xây dựng, mang lại nguồn vật liệu xanh, tạo nên những ngôi nhà xanh góp phần bảo vệ môi trường, giúp ích cho xã hội.

Lê Hữu Nghĩa

Phó TGD, Cty CP Gạch Block Tân Kỷ Nguyên

Dây chuyền sản xuất bê tông khí chưng áp của Công ty TeeYer Giang Tô - Trung Quốc

Công ty Trách nhiệm hữu hạn thiết bị công trình TeeYer Giang Tô là doanh nghiệp có 40 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế tạo, sản xuất và kinh doanh máy móc thiết bị. Nhà máy của Công ty đặt tại Khu Phát triển công nghệ cao Thường Châu, tỉnh Giang Tô có tổng diện tích 87.000m², diện tích xây dựng là 56.000m² với hơn 500 nhân viên, trong đó 20% là kỹ sư, kỹ thuật viên cao cấp và trung cấp có trình độ sản xuất, phát minh công nghệ và năng lực quản lý cao.

Các sản phẩm chính của công ty bao gồm: máy móc, thiết bị sản xuất VLXD: thiết bị cơ khí, tự động hóa và các thiết bị đồng bộ khác dùng

cho dây chuyền sản xuất bê tông khí chưng áp; máy luyện kim: các phụ tùng cho thiết bị luyện kim của Tập đoàn BAO STEEL...; máy móc xây dựng: lắp ráp cần cẩu, thiết bị xếp dỡ, sản xuất phụ tùng cho máy đào và thiết bị xếp dỡ của các hãng Hyundai (Hàn Quốc) và Komatsu (Nhật Bản).

Hiện tại, thiết bị dây chuyền sản xuất bê tông gia khí chưng áp (AAC) mang thương hiệu TeeYer của Công ty đã được xuất khẩu tới nhiều nước trên thế giới và chiếm 70% thị trường Trung Quốc trong giai đoạn 2003-2009.

Từ việc tiếp thu công nghệ của CHLB Đức và phát triển thành nhãn hiệu riêng, TeeYer là

nhà sản xuất thiết bị ACC lớn nhất ở Trung Quốc. Chất lượng gạch ACC được sản xuất trên dây chuyền của TeeYer thậm chí còn cao hơn so với tiêu chuẩn Chính phủ Trung Quốc ban hành trong khi giá thành dây chuyền chỉ bằng 30% giá thành của dây chuyền của CHLB Đức. TeeYer có thể cung cấp bộ thiết bị ACC hoàn chỉnh công suất từ 100.000 - 300.000m³/năm.

Quy trình sản xuất gạch bê tông ACC:

- *Chuẩn bị nguyên liệu thô:*

Các vật liệu thô chủ yếu gồm vôi, bột tro than hoặc cát thay thế.

Đầu tiên, bột tro than hoặc cát đã được nghiền bằng máy nghiền bi được trộn với một tỷ lệ thích hợp và trữ dưới dạng vữa trong thùng. Vôi khối lượng lớn được trữ trong kho chứa vôi, ban đầu được nghiền bằng máy nghiền hàm, sau đó được nghiền nhỏ thành bột bằng máy nghiền bi. Sau quá trình trên, bột vôi được đưa vào silô để bảo quản. Toàn bộ công đoạn nghiền có sử dụng thiết bị lọc bụi.

- *Phân mễ, trộn và đổ khuôn:*

Hỗ bột tro than hoặc cát được cân bằng cân điện tử trong khi vôi và xi măng được chuyển đến cân điện tử bằng vít tải đơn và cân ở đó. Sau đó chúng được đổ và trộn trong máy trộn với bột nhôm rồi được đổ ra khuôn. Toàn bộ quá trình, tất cả các vật liệu đều được cân bởi hệ thống kiểm soát tự động PLC nhằm đảm bảo sự liên tục và chính xác.

Nhiệt độ của hồ phải đạt yêu cầu xử lý trước khi đổ khuôn. Nếu nhiệt độ không đủ, hồ có thể được làm nóng bằng hơi. Khi đổ khuôn, xe phà sẽ đưa khuôn đến vị trí phía dưới thiết bị trộn đổ khuôn, sau đó thiết bị trộn đổ khuôn sẽ bơm hồ liệu vào khuôn.

Sau khi đổ khuôn, khuôn với hồ liệu sẽ được giữ lại trong buồng đông kết sơ bộ khoảng 2-3 giờ. Trong suốt thời gian đó, bột nhôm sẽ phản ứng, khí Hydro sẽ được sinh ra dưới tác động của nguyên tố Si và Ca, hồ liệu sẽ đông bánh và giãn nở thể tích.

- *Cắt và gộp nhóm:*

Khi các khối bê tông đạt đến độ rắn nhất định, khuôn sẽ được nâng đến vị trí cắt bằng cầu. Cầu lật sẽ xoay khuôn 90° và đặt các khối bê tông lên xe cắt. Tại đây, khuôn sẽ được chuyển đi và khối bê tông sẽ nằm trong các tấm cạnh trên xe cắt đầu tiên. Xe cắt đầu tiên chuyển khối bê tông qua máy cắt dọc. Khối bê tông sẽ được cắt theo chiều dọc, bia phi thừa sẽ được cắt đi. Sau đó, xe cắt đầu tiên sẽ chở khối bê tông đó đến máy cắt ngang để cắt theo chiều thẳng đứng.

Bộ phận nâng xe sẽ nâng các khối bê tông cùng các tấm cạnh từ xe cắt đầu tiên, sau đó xe này sẽ được đưa về vị trí ban đầu để chở các khối bê tông tiếp theo. Các khối bê tông đã được cắt sẽ được dỡ khỏi xe cắt thứ hai và máy hút chân sẽ hút bỏ các vật liệu thừa hoặc dùng máy lật gạch để lật 90° khối bê tông để loại bỏ vật liệu thừa phía trên và dưới, các vật liệu này sẽ được đổ vào các khay tái chế. Cuối cùng các khối bê tông này sẽ được cầu nâng đến xe goòng chung dướng để ghép lại. Những mảnh vụn từ quá trình cắt sẽ rơi vào máng trượt phía dưới máy cắt. Những mảnh thừa trong thùng hồ thừa được rửa bằng nước.

- *Làm cứng và hoàn thiện*

Gạch đã gộp nhóm sẽ được đưa vào nồi để chung áp bằng hơi tốc độ chậm. Khối bê tông đông bánh sẽ ở trong môi trường áp lực cân bằng khoảng 10 giờ, áp suất hơi nước là 1.3Mpa, nhiệt độ chung áp khoảng 190°C.

Khối bê tông đã chung áp sẽ được đưa ra khỏi nồi chung áp bằng hơi tốc độ chậm, sản phẩm cuối cùng sẽ được chuyển bằng tay hoặc bằng cầu kẹp thành phẩm đưa lên các pallet gỗ, xe nâng sẽ chuyển các pallet này tới kho lưu trữ.

- *Chuyển các tấm cạnh, lắp ráp khuôn và tra dầu mỡ vào khuôn*

- *Hệ thống tái chế hồ thừa*

Sau khi cắt, vật liệu thừa sẽ rơi vào trong rãnh phía dưới máy cắt. Chúng sẽ được rửa bằng nước bên trong máy trộn hồ thừa và sẽ

được trộn đều cho tới khi đạt được độ đặc, hồ sẽ được bơm vào trong vùng phân mễ để lưu trữ. Theo yêu cầu của việc đổ khuôn, hồ thừa sẽ được thêm vào nguyên liệu thô với tỷ lệ thích hợp, sau đó được đưa vào quy trình tái sử dụng.

Công nghệ sản xuất gạch bê tông khí chưng áp TeeYer có những tính ưu việt như có thể sử dụng các phế thải công nghiệp làm vật liệu đầu vào, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, không phá hoại nguồn tài nguyên đất, thích hợp cho việc thay thế gạch đất sét nung truyền thống. Dây chuyền công nghệ tiêu tốn ít nhiên liệu hơn so với dây chuyền sản xuất gạch đất

sét nung, năng suất cao và không tốn diện tích nhà xưởng dành cho việc phơi gạch.

Sản phẩm gạch ACC có những đặc tính nổi trội về khối lượng nhẹ, tính bảo ôn, cách nhiệt, cách âm tốt, tính năng phòng cháy và chịu nhiệt cao, kích thước chuẩn xác, cường độ cao, thi công dễ dàng.

William Sang

TP. Xuất khẩu - Cty TNHH thiết bị công trình

TeeYer - Giang Tô

(Tham luận tại Hội thảo “Các giải pháp đầu tư, sản xuất và sử dụng VLX không nung thay thế gạch đất sét nung” tháng 4/2010 tại Hà Nội)

Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đồng bộ cho vật liệu xây không nung

Gạch đất sét nung ở nước ta hiện nay vẫn đang là vật liệu truyền thống và thông dụng nhất để xây tường cho các công trình xây dựng. Tuy nhiên, việc sử dụng tràn lan gạch đất sét nung cho nhu cầu ngày càng tăng của ngành xây dựng đã dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng như làm suy giảm nguồn tài nguyên đất, ảnh hưởng tới an ninh lương thực, ô nhiễm môi trường và lãng phí năng lượng.... Trong bối cảnh đó, việc phát triển sản xuất và sử dụng các loại vật liệu xây có nguồn gốc không phải là đất sét nung (vật liệu xây không nung) có thể giúp giải quyết được các vấn đề trên. Quyết tâm chuyển đổi này đã được thể hiện trong Quyết định số 121/2008/QĐ-TTg ngày 29/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể VLXD đến năm 2020.

Qua một thời gian thực hiện, thực tế cho thấy các đơn vị từ nhà sản xuất, đơn vị thi công, giám sát, thiết kế đến chủ đầu tư vẫn khá lúng túng khi sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung (VLXKN). Một trong những nguyên nhân được nêu lên là do thiếu cơ sở pháp lý (các văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn) cho việc sản xuất và áp dụng VLXKN.

Về Tiêu chuẩn thiết kế, công tác thiết kế khối xây hiện nay được thực hiện theo TCVN 5573:1991 “Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế”. Tiêu chuẩn này được biên soạn dựa trên cơ sở tiêu chuẩn của Liên Xô (cũ), đây là một tiêu chuẩn khá hoàn chỉnh và áp dụng cho tất cả các dạng khối xây trong trong điều kiện đặc thù của Liên Xô, khi biên soạn các tác giả đã lược bớt một số nội dung nhằm phù hợp với điều kiện Việt Nam. Và trong tiêu chuẩn cũng đã đưa ra khuyến cáo sử dụng các vật liệu nhẹ như bê tông tổ ong, bê tông nhẹ... để làm tường. Cường độ chịu nén của bê tông nhẹ đề cập đến trong tiêu chuẩn này dao động trong khoảng từ 1,5 Mpa đến 40 Mpa (mác theo cường độ chịu nén M15 đến M400). Ngoài ra tiêu chuẩn cũng chỉ dẫn cách xác định cường độ chịu nén tính toán khi sử dụng gạch silicat rỗng, bloc bê tông rỗng, gạch bloc bê tông tổ ong.

Ở Hoa Kỳ, việc tính toán, thiết kế khối xây được thực hiện theo ACI530-08, trong tiêu chuẩn này đã quy định các yêu cầu tối thiểu cho việc thiết kế và thi công khối xây có vữa. Vật liệu xây ở đây là các vật liệu đất sét nung, bê tông, bê tông khí chưng áp và bloc thủy tinh. Tại các nước

châu Âu, thiết kế khối xây được tuân thủ theo EN 1996 (Eurocode 6). Vật liệu xây bao gồm các sản phẩm từ đất sét nung, canxi silicat, bê tông (bê tông nặng và bê tông nhẹ), bê tông khí chưng áp, đá chế tác và đá tự nhiên. Tiêu chuẩn này còn hướng dẫn phương thức tính toán cho nhiều dạng kết cấu làm việc trong các điều kiện khác nhau. Tuy nhiên tiêu chuẩn này hiện nay còn chưa phổ cập ở nước ta.

Nhìn chung, giai đoạn ban đầu, có thể sử dụng TCVN 5573:1991 để thiết kế, tính toán khối xây sử dụng các VLXKN. Tuy nhiên, cũng cần tiến hành một chương trình nghiên cứu, thực hiện các thí nghiệm kiểm chứng để khẳng định hoặc điều chỉnh các thông số tính toán đầu vào cho phù hợp với đặc thù vật liệu và điều kiện Việt Nam.

Việc thiết kế kết cấu bê tông cốt thép trước đây được thực hiện theo TCVN 5574:1991 và hiện nay là TCXDVN 356:2005 “Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế”. Tiêu chuẩn này được biên soạn dựa trên cơ sở tiêu chuẩn của Liên Xô (cũ), nội dung của tiêu chuẩn là hướng dẫn thiết kế các kết cấu bê tông và bê tông cốt thép được làm từ các loại bê tông bao gồm: bê tông nặng, bê tông nhẹ, bê tông hạt nhỏ, bê tông tổ ong, bê tông rỗng, cũng như bê tông tự ứng suất. Trong đó bê tông nhẹ có các mác theo khối lượng thể tích từ D500 đến D 2000 và cấp theo cường độ chịu nén từ B1 đến B40. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các loại bê tông nhẹ có mác theo khối lượng thể tích nhỏ hơn D500, loại bê tông polymer và bê tông sử dụng chất kết dính vôi – xỉ (trừ khi chất kết này được dùng trong bê tông tổ ong). Bê tông nhẹ dùng trong kết cấu bê tông cốt thép một lớp phải có cấp cường độ từ B 3,5 trở lên và trong kết cấu hai lớp phải từ B 2,5 trở lên. Tiêu chuẩn này hoàn toàn phù hợp cho tính toán các cấu kiện tường dạng tấm lớn sử dụng bê tông nhẹ các loại bao gồm cả tường chịu lực và không chịu lực. Tuy nhiên, các đặc trưng vật liệu trong tiêu chuẩn được tham khảo theo số liệu tiêu chuẩn của nước ngoài, do đó cũng cần được thí

NGHIỆM KIỂM CHỨNG TRONG ĐIỀU KIỆN VIỆT NAM. Tại Hoa Kỳ, tiêu chuẩn ACI 318-08 đã được sử dụng trong tính toán kết cấu bê tông cốt thép chịu lực sử dụng bê tông nặng và bê tông nhẹ kết cấu. Tiêu chuẩn này có thể áp dụng trong tính toán các dạng tường bê tông nhẹ tấm lớn đổ liền khối hoặc đục sẵn. Tại châu Âu, tiêu chuẩn EN 1992 (Eurocode 2), tiêu chuẩn này được sử dụng rộng rãi trong thiết kế các kết cấu bê tông nhẹ các loại cũng được tính toán theo tiêu chuẩn này. Các tiêu chuẩn ACI 318 và EN 1992 ở nước ta hiện nay bước đầu đã được áp dụng tại một số công trình có yếu tố nước ngoài, tuy nhiên mức độ phổ cập còn chưa cao.

Về tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu. Công tác thi công và nghiệm thu khối xây hiện nay được thực hiện theo TCVN 4085:1985 “Kết cấu gạch đá - Quy phạm thi công và nghiệm thu”, tuy nhiên tiêu chuẩn này chỉ áp dụng cho khối xây sử dụng gạch đất nung, gạch xỉ, gạch silicat, các loại gạch không nung, đá hộc và bê tông đá hộc. Nhưng trong tiêu chuẩn chưa đề cập đến các loại viên xây, khối xây làm từ bê tông nhẹ. Về cơ bản thi công và nghiệm thu khối xây sử dụng VLXKN cần tuân theo nguyên tắc của tiêu chuẩn này và có tính đến các đặc thù của dạng vật liệu mới liên quan đến các tính chất của chúng. Trong khuôn khổ một số đề tài nghiên cứu trước đây về sản xuất và ứng dụng vật liệu cho tường, cũng đã đề xuất các dự thảo hướng dẫn thi công và nghiệm thu. Trên cơ sở đó, có thể tiến hành soát xét bổ sung nhằm mở rộng phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn này cho tất cả các VLXKN. Trong TCXDVN 390:2006 “Kết cấu bê tông và bê tông lắp ghép – Quy phạm thi công và nghiệm thu” quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với công tác thi công, kiểm tra và nghiệm thu các kết cấu lắp ghép từ cấu kiện bê tông, bê tông cốt thép thường và bê tông cốt thép ứng lực căng trước. Nhưng tiêu chuẩn này cũng chưa đề cập đến các dạng kết cấu sử dụng bê tông nhẹ, bê tông tổ ong, cũng như các dạng vật liệu khác. Trong hệ thống tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu hiện nay mới chỉ có tiêu

chuẩn TCVN 7575:2007 “Tấm 3D dùng trong xây dựng. Phần 3: Hướng dẫn lắp đặt” là áp dụng cho thi công sản phẩm dạng 3D. Nên việc xây dựng các tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu khi sử dụng VLXKN là rất cần thiết, bởi nó sẽ hình thành khung pháp lý cho việc triển khai áp dụng vật liệu này tại công trường. Trong quá trình biên soạn các tiêu chuẩn này các chuyên gia cũng cần tham khảo các tài liệu nước ngoài có tính đến đặc thù của Việt Nam trong quá trình thi công.

Tại Hoa Kỳ, cũng đang sử dụng các tiêu chuẩn ACI 530.1-05, tiêu chuẩn này hướng dẫn thi công tường với loại vật liệu xây từ gạch, bê tông, bê tông khí chung áp và khối thủy tinh. Đối với các dạng tường tấm lớn, công tác thi công và nghiệm thu được thực hiện theo ACI 523.4-09. Các yêu cầu đối với việc thi công khối xây tại các nước châu Âu được quy định trong tiêu chuẩn EN 1996-2:2006 (Eurocode 6). Nhìn chung các tiêu chuẩn của Hoa Kỳ và châu Âu đều được quy định khá chi tiết các yêu cầu từ việc chuẩn bị vật liệu mặt bằng, trình tự thi công, bảo dưỡng cho đến kiểm tra. Tuy nhiên, do điều kiện khách quan nên nhiều phần trong tiêu chuẩn này còn chưa phản ánh được yêu cầu thực tế thi công ở nước ta hiện nay. Song đây cũng là các tài liệu có giá trị tham khảo và xây dựng tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu khối xây sử dụng VLXKN ở Việt Nam.

Về tiêu chuẩn sản phẩm và tiêu chuẩn phương pháp thử. VLXKN khá đa dạng và bao gồm nhiều loại sản phẩm với hình dạng, kích thước và tính chất khác nhau. Nhìn chung, có thể phân loại VLXKN như sau:

- Theo nguồn gốc vật liệu chế tạo gồm: vật liệu xây tự nhiên (đá đèo, đá chẻ, đất gia cố...); vật liệu xây không sử dụng xi măng (gạch canxi silicat,...); vật liệu xây trên cơ sở xi măng (gạch block bê tông, gạch bê tông nhẹ...) và vật liệu hỗn hợp (tấm 3D,...).
- Theo khối lượng thể tích: vật liệu nặng ($D > 1800 \text{ kg/m}^3$), vật liệu nhẹ ($D < 1.800 \text{ kg/m}^3$).
- Theo kích thước: viên xây, block và tấm lớn.

Cho tới thời điểm này, Việt Nam mới chỉ có 5 tiêu chuẩn về VLXKN cho gạch canxi silicat, gạch bê tông tự chèn, gạch block bê tông, block bê tông nhẹ và tấm 3D dùng trong xây dựng. Các tiêu chuẩn này đều được biên soạn trên cơ sở tham khảo các tiêu chuẩn của Liên Xô (cũ). Ngoài ra Liên Xô (cũ) còn phát triển các tiêu chuẩn cho các dạng sản phẩm tấm lớn như tấm tường bê tông, bê tông cốt thép sử dụng bê tông thường, bê tông nhẹ và bê tông tổ ong, cũng như các dạng tấm tường ba lớp sử dụng kim loại, gỗ và các vật liệu cách nhiệt. Các tiêu chuẩn này đều có điểm chung là quy định khá kỹ về quy cách sản phẩm, các yêu cầu về kích thước, tính chất vật liệu chế tạo, ... tính chất của các sản phẩm được môđun hoá để tiện cho việc sử dụng.

Tuy hiện nay Việt Nam đã có một số tiêu chuẩn cho các sản phẩm xây không nung, mặc dù còn 1 số hạn chế về số lượng và nội dung nhưng nếu được soát xét, bổ sung kịp thời thì sẽ đáp ứng được nhu cầu của ngành. Điều đáng chú ý ở đây là việc quy định quá chặt chẽ về các đặc tính của sản phẩm sẽ gây một số trở ngại nhất định trong việc đa dạng hoá sản phẩm... Việc soát xét và biên soạn các tiêu chuẩn sản phẩm cho các dạng VLXKN ở nước ta nên thực hiện cho từng nhóm vật liệu theo phân loại và theo hướng mở. Tiêu chuẩn Quốc gia chỉ nên quy định các giới hạn cần đáp ứng. Quy cách và chỉ tiêu cụ thể nên để nhà sản xuất công bố trong tiêu chuẩn cơ sở của sản phẩm. Các tiêu chuẩn và phương pháp thử là một phần không thể thiếu trong sản xuất, kiểm tra và nghiệm thu sản phẩm. Các tiêu chuẩn phương pháp thử cần bám sát thực tế sản xuất và sử dụng vật liệu. Tiêu chuẩn phương pháp thử sử dụng cho VLXKN bao gồm tiêu chuẩn phương pháp thử các tính chất vật liệu đầu vào, vật liệu chế tạo ra sản phẩm và tiêu chuẩn thử nghiệm sản phẩm. Để thí nghiệm vật liệu đầu vào cho sản xuất VLXKN có thể viện dẫn các tiêu chuẩn phương pháp thử hiện hành đối với xi măng, cốt liệu, hỗn hợp bê tông, bê tông và

vữa. Trong thời gian tới, các tiêu chuẩn phương pháp thử cũng cần được bổ sung và hoàn thiện thông qua việc soát xét các tiêu chuẩn hiện hành và biên soạn tiêu chuẩn mới theo hướng hội nhập quốc tế.

Nhìn chung các tiêu chuẩn phục cho việc sản xuất, thiết kế, thi công và nghiệm thu VLXKN ở Việt Nam đã bước đầu được hình thành. Tuy với số lượng chưa nhiều, chưa bao quát được tất cả các sản phẩm và công tác, nhưng các tiêu chuẩn hiện nay đã phần nào hình thành được nền tảng để triển khai sản xuất và áp dụng VLXKN vào công trình. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cũng cho thấy rất cần có một

hệ thống tiêu chuẩn đồng bộ, hoàn thiện cho VLXKN từ khâu thiết kế, sản xuất đến thi công, nghiệm thu và thí nghiệm. Bộ tiêu chuẩn này có thể được xây dựng trên cơ sở soát xét các tiêu chuẩn hiện có và biên soạn bổ sung các tiêu chuẩn mới có tham khảo các tiêu chuẩn nước ngoài theo hướng hội nhập quốc tế. Đây sẽ là tiền đề cho việc đẩy mạnh sản xuất và sử dụng VLXKN, đáp ứng được yêu cầu của Quy hoạch tổng thể sản xuất VLXD đã đề ra./.

(Nguồn: Tham luận của TS. Hoàng Minh Đức - Viện KHCN XD tại Hội thảo về VLXKN tại Hà Nội, tháng 4/2010)

Bích Ngọc (tóm lược)

Vữa phủ mặt sàn tự san phẳng

Việc hoàn thiện mặt sàn bê tông có thể được thực hiện rất nhanh nếu sử dụng sản phẩm vữa phủ mặt sàn tự san phẳng (Self-leveling overlays - SLO). Trong một ngày, một công nhân có thể hoàn thiện được một diện tích mặt sàn bê tông lớn hơn nhiều so với diện tích được hoàn thiện bằng vật liệu trang trí đúc sẵn. Ông Kirk Dalton - chủ doanh nghiệp xây dựng tư nhân SSI 2000 Inc. ở Hayward, bang California cho biết, mỗi ngày công ty của ông có thể hoàn thiện được 30.000 feet (1 ft² = 0,3048m²) vuông sàn với 7 công nhân. Theo ông, để làm được điều đó, một phần là nhờ các nhà sản xuất đã không ngừng cải tiến sản phẩm, tạo ra những sản phẩm dễ thi công hơn.

Sử dụng sản phẩm SLO đặc biệt có hiệu quả đối với những mặt sàn bê tông không trong điều kiện lý tưởng: bề mặt bê tông cũ, bị mài mòn, không phẳng và bề mặt bê tông bị hư hỏng... Sản phẩm SLO được sử dụng phổ biến nhất đối với khu vực sảnh và hành lang của các công trình thương mại, khu vực bán lẻ, sàn nhà ở, sàn nhà kho, nhà hàng.

Thành công nhờ sự chuẩn bị tốt

Các sản phẩm SLO rất nhạy cảm với điều kiện môi trường. Vì vậy, chúng chủ yếu được sử dụng ở các môi trường có kiểm soát trong nhà.



Bảo tàng Anchorage tại Alaska (Mỹ): sàn nhà sử dụng vữa phủ mặt sàn tự san phẳng có pha màu

Khi thi công mặt sàn SLO cần kiểm soát được các điều kiện hiện trường để đạt được kết quả tốt, bao gồm:

- Duy trì nhiệt độ ổn định
- Kiểm soát gió
- Hạn chế ánh nắng mặt trời trực tiếp tác động vào khu vực thi công
- Đảm bảo độ ẩm ổn định

Việc tạo ra sự liên kết tốt giữa lớp phủ và mặt sàn bên dưới là hết sức quan trọng, vì thế công tác vệ sinh mặt sàn bên dưới cần được chú trọng. Các thiết bị thường dùng cho thi công bao gồm máy mài, máy cắt và máy thổi. Theo ông Dalton, quy mô của hạng mục thi công sẽ quyết định kích cỡ của thiết bị. Qua nhiều năm, công ty của ông đã sắm các thiết bị

đủ loại kích cỡ để có thể phát huy được năng suất trên bất kỳ hạng mục thi công nào. Ông Dalton cho biết, các yêu cầu về điện thế và điện áp cao của các thiết bị đó cũng là một vấn đề, vì vậy, công ty đã và đang sử dụng các máy phát điện gắn trên xe tải công suất 60- 85-KW để cấp điện thi công.

Vấn đề độ ẩm cao của mặt sàn bê tông bên dưới có thể là nguyên nhân làm dư hại lớp phủ bề mặt, do vậy trước khi tiến hành phủ bề mặt cần kiểm tra kỹ về điều này. Theo ông Dalton, có thể sử dụng thiết bị thử độ ẩm và thí nghiệm calcium - chloride để xác định độ ẩm. Nếu mặt sàn có độ ẩm 95% thì không thể phủ lên nó bất kỳ sản phẩm chống bay hơi nào.

Vữa phủ mặt sàn tự san phẳng

Ông Bruce Burton, Giám đốc phát triển của Công ty Mapei, Deerfield Beach, bang Florida cho biết, sản phẩm SLO là cấp phối của các thành phần gồm xi măng, cốt liệu mịn, pozolan và phụ gia siêu dẻo, polime, chất bù co ngót và các nguyên liệu khác. Hướng dẫn pha trộn của các nhà sản xuất yêu cầu người sử dụng phải đong đếm chính xác lượng nước cho mỗi túi nguyên liệu để có thể đạt được những đặc tính mong muốn.

Tính từ lúc vật liệu được đổ lên bề mặt sàn thì thời gian thi công chỉ vào khoảng 12 phút do sự phát triển cường độ rất nhanh của lớp phủ. Theo ông Burton, độ dày ứng dụng của lớp phủ tối thiểu là 1/4 inch nhưng cũng có thể dày hơn 2 inch mà không gây ra hiện tượng co ngót hay nứt. Bề mặt lớp phủ sau khi đóng rắn rất chắc và bền, có cường độ chịu nén đến 6.000psi và có cường độ chịu uốn rất tốt.

Nếu cho thêm vào hỗn hợp bột màu thì bề mặt sản phẩm cuối cùng rất bền màu.

Thi công và hoàn thiện

Qui mô của hạng mục thi công sẽ quyết định kích cỡ và loại thiết bị cần thiết. Một máy trộn và một thùng trộn dung tích 5 galông (22,7 lít) là có thể đủ cho một hạng mục nhỏ, trong khi hạng mục lớn hơn đòi hỏi phải có máy trộn



Thi công lớp phủ sàn bằng vữa tự san phẳng



Hoàn thiện bề mặt sàn

và máy bơm công suất cao. Theo ông Dalton, một hạng mục trang trí mặt sàn điển hình khoảng 1.000 feet vuông (304,8 m²). Nếu sử dụng máy bơm để thi công thì có thể hoàn thành công việc trong thời gian khoảng 1 giờ hoặc ít hơn.

Toàn bộ quá trình trộn và thi công lớp SLO phải được tiến hành rất nhanh. Các công nhân trước tiên phải quét một lớp lót lên bề mặt sàn và đổ vật liệu đã trộn cho đủ độ dày cần thiết cho diện tích mặt sàn cần trang trí. Nếu như mặt sàn tương đối phẳng thì có thể sử dụng bàn cào có cỡ để trải vật liệu đến độ dày cần thiết. Sau khoảng 4-5 phút, công nhân đi giày đinh bước lên vật liệu vừa đổ và sử dụng những chiếc bay có cán dài để hoàn thiện bề mặt.

Che phủ bề mặt hoàn thiện

Cũng giống như bê tông, bề mặt sàn sau khi mới hoàn thiện cần tránh tiếp xúc với các chất có gốc axit, cho nên việc che phủ và bảo dưỡng bề mặt là rất quan trọng. Các tấm che phủ cho bê tông có độ pH cao là có thể chấp nhận, bao

gồm các tấm acrylic, epoxy và các sản phẩm có nguồn gốc urethane.

Hoạt động trên thương trường

Gia đình Dalton bắt đầu công việc kinh doanh của họ bằng việc thi công phủ các mặt sàn, tuy nhiên có rất nhiều mặt sàn không phẳng. Họ nhận thấy rằng, công việc chuẩn bị mặt sàn và thi công lớp lót mất nhiều thời gian hơn so với việc thi công các lớp phủ sàn, từ đó họ đã thay đổi trọng tâm kinh doanh của mình. Họ cũng phát hiện ra lợi ích của việc sử dụng sản phẩm trang trí bề mặt sàn đồng thời vừa khôi phục mặt sàn vừa tạo ra một bề mặt hoàn thiện. Do công tác chuẩn bị bề mặt sàn trước khi thi công lớp phủ trang trí mất nhiều công sức

nhất nên họ đã đầu tư các loại máy móc thiết bị thi công phù hợp với công tác này.

Dalton hiểu rằng, công nghệ và ngành công nghiệp xây dựng sẽ phát triển và thay đổi không ngừng và doanh nghiệp của ông cũng vậy, cần luôn đổi mới để tăng cường tính cạnh tranh. Ông luôn luôn đồng hành với các nhà thầu khác trên cả nước, chia sẻ những ý tưởng và học tập các kinh nghiệm. Ông cũng luôn luôn liên hệ với các nhà cung ứng sản phẩm mà ông đang sử dụng vì họ có rất nhiều thông tin.

Joe Nasvil

T/C Thi công Bê tông (Mỹ) số 3/1020

ND: Quỳnh Anh

Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Chiếc cầu cạn đầu tiên ở Phnom Penh sắp được khánh thành

Theo tin Thông tấn xã Campuchia AKP ngày 18/5 - Chiếc cầu cạn đầu tiên của thủ đô Phnom Penh sẽ chính thức được khánh thành vào cuối tháng 6/2010 - đây là một nỗ lực giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông ở thủ đô của Chính quyền thành phố.

Chiếc cầu cạn nói trên nằm ở phía Đông Nam thủ đô Phnom Penh, gần với cầu Monivong, với chiều dài 300m và tổng vốn đầu tư xây dựng khoảng 6 triệu USD.

Theo quy hoạch, thành phố Phnom Penh sẽ xây dựng thêm 2 chiếc cầu cạn khác trong khu vực này, nơi được xem là có tình trạng ùn tắc giao thông nghiêm trọng nhất, bao gồm khu Stung Meanchey mà tiếng địa phương gọi là khu 2 con sư tử.

Mở rộng các cây cầu, các con đường chính và tăng cường kỷ cương pháp luật giao thông là những biện pháp nhằm cải thiện giao thông tại thành phố thủ đô của Campuchia.

AKP cho biết việc mở rộng những cây cầu trọng điểm và đường phố chính, kết hợp với công tác thực thi luật giao thông sẽ là những

biện pháp cải thiện tình hình giao thông của các thành phố ở Campuchia.

<http://news.xinhuanet.com>

Brazil ưu đãi về thuế đối với các dự án xây dựng phục vụ World Cup 2014

Theo tin Tân Hoa xã ngày 17/5: Bộ trưởng Tài chính Brazil - Guido Mantega cho biết, Chính phủ Brazil sẽ miễn thuế cho các dự án xây dựng và cải tạo sân vận động phục vụ các trận đấu của Cúp bóng đá thế giới 2014 (World Cup 2014) được tổ chức tại Brazil.

Trong một bài phát biểu chính thức, Bộ trưởng Guido Mantega đã khẳng định, 12 thành phố tổ chức World Cup 2014, trong số đó có thủ đô Rio de Janeiro sẽ được miễn thuế đối với tất cả các sản phẩm hàng hóa được sản xuất để phục vụ việc xây dựng, mở rộng, cải tạo và nâng cấp các sân vận động.

Vừa qua, Liên đoàn bóng đá thế giới (FIFA) đã thông báo với Chính phủ Brazil về sự không hài lòng trước tiến độ triển khai chậm chạp của các dự án xây dựng chuẩn bị cho World Cup 2014.

<http://news.xinhuanet.com>

Công trình Green Float cao nhất thế giới - sự thử thách giới hạn của công nghệ

Một nhóm các nhà khoa học, kỹ sư và chuyên gia tài chính Nhật Bản đang khởi động dự án xây dựng một tòa nhà chọc trời cao 3.300-foot và một nông trại dựng đứng được đặt cân bằng trên một chiếc lá sen bằng bê tông nổi trên mặt nước. Họ tuyên bố, đến năm 2025, nếu mọi việc tiến triển bình thường, tất cả các công nghệ cần thiết cho việc xây dựng công trình này sẽ được sẵn sàng.

Thoạt tiên, dự án Green Float này dường như khó có thể thực hiện được: trên thế giới chưa từng xây dựng một tấm móng nổi có quy mô lớn như vậy, hơn nữa trên tấm móng đó lại có một tòa nhà cao nhất thế giới thì thật khó tưởng tượng. Ngay cả ngân hàng đầu tư Nomura - cơ quan thu xếp vốn chủ chốt cho dự án này cũng chưa hình dung được tổng chi phí cần thiết cho xây dựng công trình này cũng như ai sẽ là người mua nó.

Năng lượng cung cấp cho công trình sẽ được lấy từ năng lượng mặt trời, vì thế địa điểm xây dựng công trình đòi hỏi phải có nhiều ánh nắng, đồng thời cấu trúc của đảo nổi cần có mặt nước ổn định, tốc độ gió thấp, có thể dự báo được nhiệt độ và ít có nguy cơ sóng thần hoặc bão.



Dự án này đang thu hút rất nhiều tổ chức khoa học công nghệ lớn của Nhật Bản và công việc nghiên cứu dự án đã được triển khai tại các trường đại học và các công ty xây dựng hàng đầu của nước này.

Công ty xây dựng hàng đầu Nhật Bản Shimizu kiến nghị xây dựng công trình này trên biển bằng hợp kim siêu nhẹ magiê.

Sau khi tạo ra một hòn đảo đường kính 3km, mỗi tầng mới của công trình sẽ được xây trên trên mặt đất và chìm tầng xây trước đó xuống dưới biển. Khi đạt độ cao 3.300 foot, công trình sẽ được kích nâng cho đủ chiều cao của nó. Diện tích khổng lồ dưới nền sẽ có phần rừng ngập mặn, ruộng ngô và trang trại chăn nuôi - tất cả được xây dựng trên lưới sắt của những chiếc hộp có cấu trúc tổ ong nặng tổng cộng khoảng 7.000 tấn.

<http://www.foxnews.com/>

Biên tập tin: Quỳnh Anh

Triển lãm Kiến trúc Việt Nam 2010 - VIETARC 2010: vì một nền kiến trúc Việt Nam

Triển lãm Kiến trúc Việt Nam - VIETARC 2010 sẽ diễn ra từ ngày 3 - 6/6/2010 tại Trung tâm Hội chợ và triển lãm Sài Gòn (SECC) TP. Hồ Chí Minh do Hội KTS Việt Nam, Hội KTS TP. Hồ Chí Minh phối hợp với Công ty CP Truyền thông Gia Phúc tổ chức.

Theo tin từ Ban Tổ chức, VIETARC 2010 với nhiều chương trình hoạt động phong phú thể hiện đẳng cấp và tính chuyên nghiệp trong công tác tổ chức, trong đó đáng chú ý nhất là Diễn đàn Kiến trúc Quốc tế, quy tụ nhiều diễn giả - kiến trúc sư nổi tiếng trong và ngoài nước, thuyết trình xoay quanh chủ đề chính “Vì một nền Kiến trúc Việt Nam”. Đây cũng là chủ đề chính của triển lãm năm nay nhằm mục đích hướng ý tưởng trung bày của các công ty kiến trúc thống nhất theo một chủ đề tạo dấu ấn đặc biệt cho triển lãm.

Trong thập niên qua, Việt Nam đã nổi lên như một quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế đầy ấn tượng. Những thay đổi của quá trình đô thị hoá đã làm cho các thành phố có diện mạo mới với sự bùng nổ các dự án xây dựng hạ tầng và công trình nhiều thể loại. Giới kiến trúc sư Việt Nam và quốc tế đã cùng tham dự vào dòng chảy với nhiều cơ hội nghề nghiệp. Tuy nhiên, trong sức bật mạnh mẽ này, vẫn tồn tại các âu lo về chiều sâu bền vững của sự phát triển.: “Bắt nguồn từ những thiết kế quy hoạch và kiến trúc ngày hôm nay, Bản sắc kiến trúc Việt Nam sẽ có sự thể hiện như thế nào?”, “Vị thế nào của giới KTS Việt Nam trên bản đồ kiến trúc khu vực và thế giới?”, “Cách thức thông minh nào giúp các KTS Việt Nam phát triển sức sáng tạo và các điều kiện nghề nghiệp?”. Vì thế chủ đề “Vì một nền Kiến trúc Việt Nam” mong muốn khơi dậy những tấm lòng nhiệt huyết yêu nghề, tìm ra những giá trị đặc thù, khơi nguồn ý tưởng tương lai và vạch ra con đường phát triển bền vững, đầy bản sắc cho nền kiến trúc Việt Nam.

Diễn đàn Kiến trúc quốc tế được tổ chức trong khuôn khổ VIETARC 2010 sẽ tập trung vào 2 chủ đề:

- *Chủ đề 1: Tương lai các đô thị cũ và mới tại Việt Nam*

Lịch sử phát triển đô thị Việt Nam đang bước sang một thời kỳ mới. Dự kiến trong vòng 20 năm tới, chỉ số đô thị hóa tại Việt Nam sẽ tăng từ 30% lên 50%. Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là đô thị cũ đặc trưng với các giá trị lịch sử lâu đời, là trung tâm kinh tế hai đầu đất nước dẫn dắt quá trình hòa bình và đổi mới hơn ba thập niên qua, nay đang đối mặt với nhiều “căn bệnh” của một thành phố quá tải: Cơ sở hạ tầng yếu kém, chưa theo kịp sự phát triển, thiếu nhà ở, ô nhiễm môi trường và quỹ đất xây dựng lan rộng không kiểm soát ra vùng ngoại vi... Chủ đề này luôn thách thức những chuyên gia quy hoạch nhằm tìm ra những phiên bản siêu đô thị mang bản sắc Việt Nam không chỉ mở rộng về không gian mà còn phát triển chiều sâu về chất lượng sống của con người. Đây là một chủ đề rất đáng để tranh luận vào thời điểm hiện nay.

Ngược lại, tại các đô thị nhỏ và đô thị mới mọc lên tại các vùng công nghiệp hóa - đô thị hóa, tuy điều kiện thuận lợi hơn về sự khởi đầu mới mẻ, nhưng cũng đang vấp phải những thách thức gây ra hiện tượng thiếu bản sắc và không tương thích với sự phát triển của thời đại mới. Các đô thị công nghiệp, đô thị du lịch, đô thị sinh thái, đô thị mang đặc trưng vùng miền chưa được xuất hiện như một lý thuyết mang tính thực tiễn cao trong bối cảnh Việt Nam. Các đồ án lớn do các công ty tư vấn nước ngoài thiết kế, họ hợp tác như thế nào với sự am hiểu địa phương của kiến trúc sư nội địa để cùng nhau xây dựng thế hệ đô thị mới tại Việt Nam trong thế kỷ 21?

- *Chủ đề 2: Kiến trúc điểm nhấn tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh - Sự bành trướng của chủ*

nghĩa hình thức hay tư tưởng của thời đại?

Kiến trúc cao tầng và những tổ hợp công trình ngày càng phát triển về độ lớn, quy mô sử dụng và các hình thức độc đáo mang tính phổ trương. Sự “hăm dọa” của chủ nghĩa hình thức mới đang có xu hướng thống trị các tòa nhà “điểm nhấn” tại các đô thị, tại các vùng mới phát triển, hay đôi lúc mọc lên đột ngột từ những vùng đất lấn biển... Điều này cũng đang lặp lại ở những lô đất vàng tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, thậm chí cũng đua tranh xuất hiện các tòa tháp cao đột biến tại các thành phố khác ở Việt Nam. Những đồ án này đang hình thành và dần được chấp thuận. Hãy làm một cuộc khảo sát những tòa nhà mọc lên trong vòng 5 - 10 năm nữa, chúng ta hy vọng tìm ra được một kịch bản cảnh quan và thẩm mỹ kiến trúc đô thị Việt Nam trong tương lai gần. Là những nhà thiết kế hay những học giả phê bình lý luận chuyên nghiệp, có thể cùng đàm luận để xem xu thế này có bền vững về công năng, có giá trị gì đối với môi trường đô thị, có dung hòa được với bản sắc và lịch sử các đô thị Việt Nam, có thể hiện một tư tưởng thời đại hay không? Hay đơn thuần chỉ là cái không còn mới của thế giới và là cái “bất mắt” đối với một quốc gia đang khao khát sự phát triển. Sự nhận thức và vai trò của các kiến trúc sư quốc tế đang hành nghề tại Việt Nam về

vấn đề này như thế nào? Chúng ta hãy cùng tranh luận thẳng thắn để gợi mở những tầm nhìn mới cho nền kiến trúc Việt Nam.

Theo TS. KTS. Hoàng Đạo Kính, VIETARC là một triển lãm lớn và mới, là sân chơi mới cho giới kiến trúc sư Việt Nam, là cơ hội hội nhập trực tiếp, toàn diện và mới mẻ. VIETARC là cuộc gặp gỡ của giới kiến trúc sư Việt Nam với các đồng nghiệp đến từ các nước. Thông qua VIETARC giới kiến trúc sư trong và ngoài nước có cơ hội tìm hiểu khả năng cạnh tranh, năng lực của nhau và cũng là cơ hội nâng cao sức tiếp cận của giới kiến trúc sư Việt Nam với nền kiến trúc quốc tế. VIETARC cũng được xem như hoạt động xúc tiến kiến trúc, tiếp thị kiến trúc mang tính cởi mở và cùng sánh vai với nhau. VIETARC 2010 sẽ là cuộc biểu dương lực lượng của giới kiến trúc sư Việt Nam.

Triển lãm Kiến trúc Việt Nam 2009 - VIETARC 2009 diễn ra lần đầu tiên tại TP. Hồ Chí Minh từ ngày 4 - 7/6/2009 đã được đánh giá là một sự kiện lớn thể hiện nhiều mục tiêu, ý nghĩa, đem lại nhiều giá trị bổ ích cho giới kiến trúc sư Việt Nam. Triển lãm có quy mô 500 gian hàng và sự tham gia của 120 đơn vị đến từ 25 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Huỳnh Phước

Hội thảo “Giải pháp về vốn cho thị trường bất động sản năm 2010”

Ngày 14/5 tại Hà Nội, Hiệp hội BĐS Việt Nam đã phối hợp với Trang thông tin điện tử Dothi.net tổ chức Hội thảo “Giải pháp về vốn cho thị trường bất động sản năm 2010”. Tới dự hội thảo có Phó Chủ tịch Hiệp hội BĐS Việt Nam Tống Văn Nga, TS Trần Kim Chung - Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, ông Johan Nyvene - Tổng giám đốc Cty CP chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, đại diện ngân hàng thương mại cổ phần và đại diện của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản.

Thị trường bất động sản và thị trường tài chính tiền tệ có quan hệ mật thiết với nhau. Lý thuyết và thực tiễn đã chứng minh, các biến động trọng hệ thống tài chính - tiền tệ cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến cấu trúc của các thị trường khác. Thị trường bất động sản cũng không nằm ngoài quy luật này.

Bất động sản là một lĩnh vực đầu tư đòi hỏi phải có một nguồn vốn vững mạnh, một kế hoạch tài chính dài hạn. Hiện nay, các doanh nghiệp bất động sản chủ yếu dựa vào ba



Phó Chủ tịch Hiệp hội BĐS VN Tổng Văn Nga phát biểu tại Hội thảo

nguồn huy động vốn chính: vốn chủ sở hữu, vay ngân hàng, huy động từ khách hàng. Trong đó nguồn vốn có tính chất quyết định và vai trò lớn nhất cung cấp cho thị trường bất động sản là từ hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, tình hình cho vay bất động sản của các ngân hàng thương mại chưa có sự cải thiện rõ rệt do tình hình thiếu nguồn vốn huy động. Dự báo vốn tín dụng ngân hàng vào bất động sản trong năm 2010 không được cải thiện nhiều về tỉ trọng/tổng dư nợ cho vay.

Giải pháp để khơi dậy nguồn vốn cho doanh nghiệp bất động sản Việt Nam trong thời gian tới là tăng cường tín nhiệm của các doanh nghiệp bất động sản để thu hút vốn từ các nhà đầu tư tiềm năng. Đẩy mạnh việc mua lại, sát nhập và các loại hình liên doanh; tăng cường các hoạt động thu hút vốn trên thị trường cổ phiếu thông qua niêm yết doanh nghiệp lên sàn chứng khoán; tăng cường huy động các nhà đầu tư nước ngoài; hình thành hệ thống tài chính bất động sản theo mô hình của một số

quốc gia phát triển đang vận hành rất thành công, đặc biệt là quỹ đầu tư tín thác bất động sản (REIT).

Ngoài ra, đối với các công cụ tiền tệ, sớm hình thành định chế thị trường thế chấp thứ cấp; tăng cường các giải pháp nhằm tạo dựng, phát triển và thu hút các hiệp hội vay - tiết kiệm, ngân hàng tiết kiệm phục vụ cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản.

Riêng đối với các công cụ tài chính, sớm hình thành và phát triển loại hình trái phiếu bất động sản. Hình thành khung pháp lý, nhân rộng mô hình trái phiếu bất động sản; kêu gọi các công ty bảo hiểm nhân thọ, các quỹ hưu trí tham gia đầu tư vào thị trường chứng khoán; thực hiện cổ phần hoá các công trình để thu hút nguồn vốn thông qua các công ty cổ phần.

Nhìn chung, thị trường bất động sản Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển dịch cấp độ phát triển từ cấp độ tiền tệ hoá lên tài chính hoá. Các chính sách hiện hành và nguồn vốn đã đáo hạn, một số nguồn vốn tiềm năng chưa được huy động. Nguyên nhân chính là các doanh nghiệp chưa thực sự có nhu cầu và các chính sách còn chưa kiện toàn.

Giải pháp hiện nay là cần sớm hình thành và phát triển các dạng quỹ đầu tư phát triển bất động sản, nhanh chóng triển khai các giải pháp nhằm tạo cơ chế, định chế chuyển tiếp có tính dài hạn "tài chính hoá" phù hợp với xu thế chung của quốc tế, đảm bảo sự ổn định và phát triển thị trường trong các giai đoạn tiếp theo.

Hoàng Đại Hải

Hội thảo "Phát triển nguồn nhân lực tham gia thị trường bất động sản"

Ngày 19/5/2010 tại Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị - Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội thảo "Phát triển nguồn nhân lực tham gia thị trường bất động sản". Hội thảo đã thu hút được sự quan tâm của đông đảo đại biểu đến từ các Viện nghiên cứu, các trường đại học, các doanh

nh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản. Ông Phạm Xuân Diệu - Giám đốc Học viện và ông Nguyễn Mạnh Hà - Cục trưởng Cục Quản lý nhà và thị trường BĐS đã chủ trì Hội thảo.

Hội thảo đã nghe các đại biểu trình bày tham luận đánh giá tình hình hoạt động đào tạo

ng nghiệp vụ môi giới, định giá BĐS và quản lý điều hành sàn giao dịch BĐS trong thời gian qua; đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Từ khi Luật kinh doanh BĐS và Quyết định số 29/2007/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng được ban hành, cho đến nay trên toàn quốc đã có 86 cơ sở đào tạo được công nhận đủ điều kiện đào tạo nghiệp vụ môi giới, định giá BĐS và quản lý điều hành sàn giao dịch BĐS. Tính đến ngày 31/12/2009, trong cả nước, các cơ sở đào tạo đã cấp được 35.227 giấy chứng nhận hoàn thành khoá học.

Hầu hết các cơ sở đào tạo đều thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức môi giới, định giá, quản lý điều hành sàn giao dịch BĐS. Nội dung đào tạo và đội ngũ giảng viên cũng được chú trọng, quan tâm đặc biệt nhằm đảm bảo cho những khoá học được triển khai với kết quả cao. Tuy vậy, công tác đào tạo này còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục: chưa ban hành được bộ giáo trình giảng dạy chuẩn, chưa xây dựng được kế hoạch phát triển lực lượng giảng viên chuyên nghiệp; Quy định về điều kiện được hành nghề đối với các cơ sở đào tạo hiện nay khá đơn giản, do vậy chưa sàng lọc được nhiều đơn vị chuyên nghiệp có năng lực cao để tổ chức đào tạo; Chất lượng đào tạo thực tế hiện

nay ở các đơn vị chưa cao, chưa đồng đều, thiếu tính chuyên nghiệp; Chưa chú trọng xây dựng nội dung đào tạo chất lượng, hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường...

Nhằm thúc đẩy thị trường BĐS nước ta ngày càng phát triển theo hướng chuyên nghiệp đồng thời nâng cao năng lực của các tổ chức, cá nhân đang hành nghề môi giới, định giá, quản lý điều hành sàn giao dịch BĐS; các ý kiến của Hội thảo cũng tập trung vào một số giải pháp và xu hướng phát triển của hoạt động đào tạo trong thời gian tới. Ngoài việc xây dựng chương trình đào tạo chi tiết, nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo, xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ cao, chúng ta còn cần hoàn thiện các giải pháp vĩ mô, hỗ trợ cho sự hình thành và vận hành các ngành nghề dịch vụ trong thị trường BĐS. Trong tương lai, các cơ sở đào tạo sẽ năng động hơn, mở rộng phạm vi đào tạo ra các địa phương mới để khai thác thị trường còn bỏ ngỏ. Bên cạnh những chương trình đào tạo cơ bản sẽ chú trọng xây dựng các chương trình đào tạo về BĐS nâng cao, các kỹ năng, nghiệp vụ bổ trợ; đồng thời tranh thủ kinh nghiệm và sự hỗ trợ quốc tế cho việc hình thành và phát triển nghề kinh doanh BĐS ở nước ta./.

*Tin từ Học viện Cán bộ quản lý xây dựng
và đô thị - BXD*

Hội thảo về công khai thông tin các dự án thí điểm thực hiện “Chương trình minh bạch trong hoạt động xây dựng - CoST”

Ngày 19/5/2010 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Ban Quản lý Dự án “Chương trình minh bạch trong hoạt động xây dựng - CoST” đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến về việc công khai thông tin các dự án thí điểm thực hiện Chương trình CoST. Tham dự Hội thảo có các cán bộ nhóm đa biên, Ban quản lý dự án CoST, đại diện tư vấn hỗ trợ kỹ thuật (AT) và các chủ dự án. Ông

Lê Xuân Trường - Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng kiêm Giám đốc Ban quản lý dự án CoST Bộ Xây dựng chủ trì Hội thảo.

Chương trình minh bạch trong hoạt động xây dựng nhằm tăng trách nhiệm giải trình đối với các dự án xây dựng công, nhằm đảm bảo cho các chủ đầu tư dự án xây dựng công có thể

“nhận được kết quả xứng đáng với những gì họ chi trả”. Sáng kiến CoST được Bộ Phát triển Quốc tế Vương Quốc Anh (DFID) khởi xướng và hỗ trợ. Trong giai đoạn thí điểm, sáng kiến CoST sẽ do DFID tài trợ. Tại Việt Nam, nguồn kinh phí sẽ được nhà tài trợ cấp trong suốt giai đoạn thí điểm kéo dài (01) năm. Dự án này góp phần thực hiện Thỏa thuận hợp tác phát triển 10 năm giữa Vương quốc Anh và Chính phủ Việt Nam trong giai đoạn 2006-2015 và Kế hoạch hỗ trợ quốc gia của DFID trong giai đoạn 2008-2011 cũng như Chiến lược hợp tác quốc gia Việt Nam của Ngân hàng thế giới trong giai đoạn 2007-2011.

Theo ông Lê Xuân Trường - Giám đốc Ban quản lý dự án cho biết, đây là Hội thảo lần đầu về công khai thông tin các dự án thí điểm thực hiện Chương trình CoST. Mục tiêu của Hội thảo là thảo luận các biện pháp công khai thông tin của các dự án phù hợp với mục tiêu của CoST được lựa chọn làm thí điểm.

Theo báo cáo của Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật (AT), ngay sau Hội thảo công bố triển khai dự án CoST được tổ chức ngày 26/3/2010, Tư vấn AT đã tiến hành tiếp xúc và làm việc với các chủ dự án thí điểm theo danh mục đề xuất của Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông vận tải. Qua khảo sát của Tư vấn AT, đa số các dự án thí điểm công khai thông tin đều là những dự án lớn, thời gian thực hiện trong nhiều năm, nhiều giai đoạn hoặc có nhiều cấu phần. Trong mỗi

dự án lại có nhiều loại gói thầu, việc thực hiện các gói thầu đang ở trong các giai đoạn khác nhau của dự án. Phạm vi dự án phân bố rộng có thể trên địa bàn nhiều quận, huyện, thậm chí nhiều tỉnh, thành.

Qua khảo sát các dự án, tư vấn AT đã đề xuất một danh mục các gói thầu sẽ công khai thông tin. Đó là các gói thầu điển hình của mỗi dự án (gói thầu chính), giai đoạn hiện tại của gói thầu thuộc một trong các giai đoạn đã được đề cập trong Văn kiện dự án.

Trên cơ sở khảo sát thực tế và dựa trên Danh mục các thông tin cần công khai tại Phụ lục D của Văn kiện dự án đã được phê duyệt: Hướng dẫn chi tiết nội dung, hình thức, thời điểm công khai “Thông tin dự án - CMPI” và các văn bản pháp lý hiện hành liên quan đến vấn đề công khai thông tin dự án, đấu thầu, quản lý hoạt động xây dựng, tư vấn AT đã lập Danh mục chi tiết các thông tin cần công khai, dự toán chi phí công khai thông tin, biểu mẫu công khai thông tin và kế hoạch thực hiện.

Tại Hội thảo, các chủ dự án đều nhất trí với danh mục các gói thầu được lựa chọn thí điểm, đóng góp nhiều ý kiến cụ thể đối với đề xuất của tư vấn về biểu mẫu công khai thông tin cũng như các giai đoạn công khai thông tin, nội dung, tần suất công khai thông tin cho sát với điều kiện thực tế.

Minh Tuấn

Hội nghị tổng kết Dự án thứ 3 cấp nước và vệ sinh các thị xã, thị trấn

Ngày 21/5/2010 tại Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị tổng kết Dự án thứ 3 cấp nước và vệ sinh các thị xã, thị trấn. Tham dự Hội nghị có đại diện lãnh đạo các tỉnh thuộc Dự án: Phú Yên, Ninh Thuận, Tây Ninh, Bình Dương, Kiên Giang; các nhà tài trợ: Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Cơ quan Phát triển Pháp (AFD); các ban quản lý dự án, công ty cấp nước các tỉnh tham gia Dự án; đại diện Bộ Tài chính, Bộ

Kế hoạch đầu tư, Cục Hạ tầng Kỹ thuật - Bộ Xây dựng. Thứ trưởng thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang đã chủ trì Hội nghị.

Báo cáo Tổng kết dự án do TS. Phạm Ngọc Thái - Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật - Giám đốc Ban quản lý phát triển hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng đã nêu rõ quá trình triển khai thực hiện Dự án, kết quả và những bài học kinh nghiệm được rút ra từ Dự án.

Dự án thứ 3 cấp nước và vệ sinh các thị xã, thị trấn: Rạch Giá, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Phan Rang, Tuy Hòa, La Hai, Chí Thạnh với mục tiêu cải thiện điều kiện cấp nước và vệ sinh môi trường các đô thị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi từ năm 2001 với tổng mức đầu tư 97,39 triệu USD, trong đó vốn vay ADB là 60 triệu USD, vốn vay AFD 11,24 triệu USD, vốn viện trợ NORAD 1,15 triệu USD, vốn đối ứng của Việt Nam là 25 triệu USD. Thời gian thực hiện dự án là 5 năm từ 2002 -2007.

Dự án được thực hiện theo mô hình phân quyền. Ủy ban nhân dân các tỉnh tham gia dự án chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý tiểu dự án thuộc tỉnh. Bộ Xây dựng đóng vai trò điều phối chung các hoạt động của dự án, thông qua Ban chỉ đạo dự án Trung ương. Giúp việc cho Ban điều phối dự án Trung ương là Ban Quản lý dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật - Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng.

Sau khi kí các Hiệp định vay vốn với ADB và AFD, dự án đã tuyển chọn 02 tư vấn: Hỗ trợ định hướng dự án (POA) và Hỗ trợ thực thi dự án (PIA). Trong giai đoạn đầu, các Ban quản lý dự án đã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý dự án, đấu thầu mua sắm, kế toán dự án, quản lý hợp đồng, báo cáo, giám sát và đánh giá, được cung cấp cẩm nang quy trình và phần mềm quản lý dự án thông qua hợp đồng dịch vụ tư vấn POA do hãng Interconsult International AS (Na Uy) liên kết với Carl Bro International (Đan Mạch) và PTP Company Ltd (Việt Nam) thực hiện bằng nguồn vốn viện trợ NORAD.

Hợp đồng dịch vụ tư vấn PIA do hãng Nippon Jagesuido Sekkei (Nhật Bản) liên kết với Mott McDonald (Mỹ), Wase, Wiwase, Haidecon (Việt Nam) thực hiện bao gồm các công việc: cập nhật nghiên cứu khả thi, thiết kế chi tiết, giám sát thi công và hỗ trợ thể chế cho các hợp phần trong dự án và nâng cao năng lực cho các Công ty cấp nước.



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang đánh giá cao thành công của Dự án

Sau 5 năm triển khai dự án, đến cuối 2007, các hạng mục công việc của dự án đều đã được hoàn thành cơ bản, đáp ứng các mục tiêu đề ra. Tuy nhiên do nguồn vốn dư của dự án còn nhiều (vốn dự phòng, vốn dư do chênh lệch tỷ giá, vốn dư tiết kiệm được sau đấu thầu) nên dự án đã đề xuất các phương án giải quyết xử lý vốn dư và được Thủ tướng Chính phủ cho phép gia hạn dự án thêm 02 năm. Từ đầu năm 2008, dự án bắt đầu triển khai các công việc sử dụng vốn dư thông qua 7 gói thầu với tổng giá trị 20,6 triệu USD. Đến nay, dự án đã hoàn thành 100% khối lượng công việc trên địa bàn 5 tỉnh bao gồm các khối lượng công việc vật chất cũng như các hợp phần hỗ trợ khác, các cam kết vốn vay cũng đã cơ bản hoàn thành.

Sau khi thực hiện xong dự án, năng lực cấp nước của 5 tỉnh đã tăng thêm 167.000m³/ngày, 1.239 km đường ống được lắp đặt mới và thay thế, số đầu nối lắp đặt mới là 56.500, xây dựng được 18.932 bể tự hoại, 62 nhà vệ sinh công cộng, 99 nhà vệ sinh trường học.

Phát biểu tại Hội nghị, hầu hết lãnh đạo các tỉnh tham gia dự án đều đánh giá cao sự phối hợp giữa Ban điều phối Trung ương và các Bộ, ngành, địa phương, các nhà tài trợ để mang lại thành công và hiệu quả cho dự án. Dự án cấp nước và vệ sinh các thị trấn, thị xã do ADB và AFD tài trợ có ý nghĩa quan trọng đối với các địa phương, đã giúp cho các địa phương cải thiện năng lực cấp nước, cải thiện điều kiện vệ

sinh tại các đô thị thực hiện dự án, tạo điều kiện về tiếp cận nước sạch cho người dân đô thị. Mặc dù trong quá trình triển khai dự án còn có những khó khăn, thách thức như Ban quản lý dự án của các tỉnh còn chưa có kinh nghiệm triển khai các dự án vốn ODA, khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, sự khác nhau về quy trình lập và thực hiện dự án vốn nước ngoài của các nhà tài trợ với quy định của Việt Nam... nhưng các chủ đầu tư, các ban quản lý dự án đã hết sức nỗ lực, với sự giúp đỡ và hỗ trợ của lãnh đạo các tỉnh, các Bộ ngành Trung ương và các nhà tài trợ đã thực hiện thành công dự án, đáp ứng mục tiêu, tiến độ và chất lượng đề ra.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã cảm ơn các nhà tài trợ của dự án, đánh giá cao sự phối hợp của các bên, nỗ lực của các chủ đầu tư và sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ của các Bộ ngành Trung ương, các địa phương trong việc thực hiện thành công dự án này. Những kiến nghị của các địa phương về việc gia tăng thời gian hoàn trả vốn vay, giảm lãi suất vay ... sẽ được Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính tổng hợp, nghiên cứu để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Minh Tuấn

Những thành tựu về xây dựng đô thị - nông thôn trên Cao nguyên Tây Tạng, Trung Quốc

Trải qua 60 năm kể từ khi thành lập nước CHND Trung Hoa mới, Trung Quốc đã có sự phát triển hết sức ấn tượng và nhiều thăng trầm. Là một bộ phận cấu thành quan trọng của đất nước Trung Quốc, khu vực Tây Tạng cũng trải qua chặng đường mấy chục năm sáng tạo và phát triển không hề bằng phẳng từ giải phóng hoà bình năm 1951, cải cách dân chủ năm 1959, thành lập khu tự trị năm 1965, mở cửa cải cách từ năm 1978 cho tới nay.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Trung ương ĐCS Trung Quốc, lại được các tỉnh thành trong cả nước tích cực giúp đỡ, nhân dân các dân tộc Khu Tự trị Tây Tạng đã nỗ lực phấn đấu, bộ mặt đô thị và nông thôn của Khu Tự trị đã có nhiều thay đổi, chức năng đô thị được nâng cao toàn diện và tổng hợp, đời sống của nhân dân được cải thiện từng ngày, công cuộc xây dựng đô thị và nông thôn thu được nhiều thành tựu rõ nét.

I. Trình độ đô thị hoá được nâng cao mạnh mẽ, các công trình hạ tầng đô thị ngày càng hoàn thiện

Cách đây mấy chục năm, Tây Tạng từ xã hội tăm tối của chế độ nông nô đã chuyển mình

bước trên con đường tươi sáng của chủ nghĩa xã hội. Công cuộc xây dựng đô thị Tây Tạng trong vài chục năm qua đã cho thấy có những tiến triển chưa từng thấy, số lượng đô thị nhanh chóng phát triển từ 3 đô thị trước giải phóng (năm 1951) lên tới 6 đô thị sau cải cách dân chủ (năm 1959), rồi 10 đô thị sau khi mở cửa cải cách (năm 1981), 33 đô thị đầu thập niên 90 thế kỷ XX (năm 1992). Hiện nay, Tây Tạng có 2 đô thị vệ tinh, 71 huyện thị, 140 thành phố diện tích đô thị hiện có của Tây Tạng đạt 195,22 km², diện tích khu quy hoạch đô thị đạt 532,33 km². Bước đầu xây dựng chiến lược coi La Sa là trung tâm, nơi đặt Văn phòng hành chính khu vực Tây Tạng là trung tâm cấp hai, huyện thị là hệ thống đô thị cơ sở cấp ba, tác dụng của đô thị trong phát triển kinh tế xã hội ngày càng rõ nét, thúc đẩy các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá... của toàn khu vực phát triển mạnh mẽ.

Qua mấy chục năm, bộ mặt đô thị và nông thôn Tây Tạng có nhiều thay đổi lớn lao. Năm 1951, Tây Tạng được giải phóng và hoà bình, năm 1959 tiến hành cải cách dân chủ, năm

1965 khu tự trị Tây Tạng chính thức được thành lập. Sau đó, nhằm nhanh chóng thay đổi bộ mặt lạc hậu của Tây Tạng, Chính phủ Trung Quốc đã điều động hàng loạt công nhân, cán bộ kỹ thuật và nhân viên khoa học kỹ thuật các nơi trong cả nước tới giúp Tây Tạng xây dựng. Các chuyên gia xây dựng và nhân viên kỹ thuật công trình được tăng cường đã đem lại cho Tây Tạng những quan niệm mới, tư duy mới, kỹ thuật mới, vật liệu mới, sản phẩm mới, khiến cho các ngành như xây dựng và thiết kế, thi công, vật liệu xây dựng, nhà đất... đều phát triển lớn mạnh. Trước giải phóng và hoà bình, Tây Tạng chỉ có khu cư trú mà đền chùa là trung tâm, trang trại của quý tộc và nông nô là chủ thể, không có các công trình hạ tầng đô thị thiết yếu nhất nhất, không có đường nhựa, thiếu công trình cấp nước sạch, cấp điện, thoát nước, bảo vệ môi trường... Diện tích đô thị La Sa khi đó không đầy 3 km², dân số chưa tới 30 nghìn người. Trừ một số ít quý tộc, lãnh chúa, tầng lớp tầng lớp trên ra, điều kiện cư trú của tuyệt đại đa số người dân nơi đây đều rất kém, đời sống vô cùng cực khổ; đường sá lồi lõm không bằng phẳng, nước sinh hoạt của cư dân đều dựa vào giếng đất đào hoặc cống nước từ suối khe, các công trình hiện đại như điện thoại, viễn thông... lại càng xa lạ đối với cư dân bản địa.

II. Cần phải bảo vệ thỏa đáng các khu danh thắng và di tích văn hóa tự nhiên

Tây Tạng là vùng đất giàu tài nguyên danh thắng có ảnh hưởng lớn, tài nguyên di sản văn hóa, di sản tự nhiên tầm cỡ thế giới và nguồn tài nguyên di sản văn hóa lịch sử cấp Nhà nước.

2.1. Các khu danh thắng cấp Nhà nước

Tây Tạng có 4 khu danh thắng cấp Nhà nước như Nhã Lung Hà, Niệm Thanh, Đường Cổ La Sơn - Nạp Mộc Thổ..., tổng diện tích 12138 km², chiếm khoảng 1% diện tích toàn khu vực.

Khu danh thắng phong cảnh Nhã Lung Hà được Chính phủ Trung Quốc phê chuẩn công

bố là Khu danh thắng phong cảnh cấp Nhà nước năm 1988, diện tích khoảng 920 km². Khu danh thắng phong cảnh này có trung tâm là thị trấn Trạch Đường, mở rộng ra 7 khu phong cảnh lớn, 58 điểm phong cảnh ở hai phía Đông Tây. Cảnh quan nhân văn (công trình kiến trúc cổ, di tích cổ, quần thể mộ cổ, khu văn hóa tôn giáo, phong tục dân gian...) trong khu hòa quyện với cảnh quan tự nhiên (sông, núi, đầm hồ, núi tuyết, sông băng, thảo nguyên, suối nước nóng...), có 10 đơn vị bảo vệ văn hóa trọng điểm cấp toàn quốc, 6 đơn vị bảo vệ văn hóa cấp khu tự trị, 1 khu phong cảnh cấp Nhà nước (khu phong cảnh Tang Đường). Khu danh thắng phong cảnh Đường Cổ La Sơn - Nộ Giang được Chính phủ Trung Quốc phê chuẩn xếp hạng là khu danh thắng phong cảnh cấp Nhà nước năm 2009, tổng diện tích khoảng 5900 km². Nhìn chung khu danh thắng phong cảnh này có hình vành đai, kéo dài đến chân núi Nhật Long Mã Phong phía đông, hồ Thổ Na phía nam, phía tây tới núi Đường Cổ Sơn, phía bắc tới núi Thiên Hà, bao gồm quần thể núi tuyết, sông băng khu vực Bắc Tạng, thảo nguyên Khương Đường và các hồ đầm nước ngọt cao nguyên là tài nguyên phong cảnh tiêu biểu; tuyến đường sắt Thanh Tạng và đường bộ Thanh Tạng chạy xuyên qua, điều kiện giao thông rất thuận lợi.

Khu danh thắng phong cảnh Niệm Thanh - Đường Cổ La - Lạp Mộc Thổ được Chính phủ Trung Quốc phê chuẩn công bố là khu danh thắng phong cảnh cấp Nhà nước năm 2009, diện tích khoảng 4500 km². Khu danh thắng phong cảnh này nằm ở huyện Đường Hùng, thành phố La Sa và huyện Ban qua khu vực Na Khúc, có kết cấu địa chất và hệ thống sinh thái hoàn chỉnh và đặc thù, có khí hậu tiêu biểu của cao nguyên hiếm có trên thế giới, có hồ đầm ở độ cao nhất thế giới so với mặt biển. Trong hệ thống sinh thái cao nguyên đặc thù này còn có nguồn tài nguyên thực vật, động vật hoang dã

phong phú. Vị trí địa lý và bộ mặt tự nhiên cũng hàm chứa nền văn hóa tôn giáo, văn hóa truyền thống và văn hóa phong tục dân gian thần bí đặc thù của dân tộc Tạng.

2.2. Các thành phố văn hóa lịch sử nổi tiếng

Khu tự trị Tây Tạng có các thành phố văn hóa lịch sử nổi tiếng cấp Nhà nước như thành phố La Sa, Nhật Lạc Tắc...

Thành phố La Sa được Chính phủ Trung Quốc công nhận là thành phố văn hóa lịch sử nổi tiếng cấp Nhà nước đợt đầu năm 1982.

Thành phố La Sa là thủ phủ của khu tự trị Tây Tạng có hơn 1.300 năm lịch sử với nhiều di sản bậc nhất và nền văn hóa rực rỡ, nguồn tài nguyên văn hóa phong phú nhiều màu sắc. La Sa là một thành phố du lịch quốc tế với những nét đặc sắc của cao nguyên, nét đặc sắc dân tộc và nét đặc sắc địa phương. Công tác bảo vệ thành phố La Sa được chia ra làm ba tầng: bảo vệ văn hóa lịch sử đô thị, bảo vệ chính thể khu di tích lịch sử và bảo vệ khu phố cổ văn hóa lịch sử Bát Khuếch Nhại. Khu di tích lịch sử La Sa chủ yếu có trung tâm là cung Bồ Đạt La, chùa Đại Chiêu và La bố Lâm Ca, trong đó khu di tích văn hóa lịch sử Bát Khuếch Nhại là khu vực bảo vệ trọng điểm của thành phố La Sa.

Để tăng cường bảo vệ khu di tích lịch sử, thành phố La Sa thực hiện các dự án công trình xử lý môi trường chung quanh cung Bồ Đạt La, dự án công trình cải tạo công viên đầm Long Vương, dự án công trình xử lý môi trường chung quanh La bố Lâm Ca, dự án công trình xử lý môi trường chung quanh chùa Đại Chiêu, bảo vệ cải tạo khu phố cũ và dự án duy tu các điểm văn vật quan trọng.

Thành phố Nhật Lạc Tắc được Chính phủ Trung Quốc công nhận là thành phố văn hóa lịch sử cấp Nhà nước đợt thứ hai năm 1986.

Thành phố Nhật Lạc Tắc là thành phố lớn thứ hai của khu vực Tây Tạng. Thành phố này có hơn 660 năm lịch sử và luôn là trung tâm

kinh tế, văn hóa của Tây Tạng với nhiều di tích văn vật cổ, nhiều công trình di tích lịch sử, truyền thống được bảo vệ tương đối tốt, các công trình kiến trúc của dân tộc Tạng và dân tộc Hán đều có nét riêng biệt rõ nét. Khu di tích lịch sử nằm ở phía tây thành phố, dựa bên chùa Trát Thần Luân Bồ và Tông Sơn, khu dân cư ở kề với chùa và dần hình thành khu vực thương mại, tôn giáo, cư trú, du lịch và văn hóa. Phạm vi bảo vệ phía bắc bắt đầu từ đường Giang Hạ, phía nam tới Đức Khánh Phả Chương, phía tây từ Bảo tàng Tông Sơn và chùa Trát Thần Luân Bồ, phía tây lấy đường Nhân Bồ làm ranh giới, tổng diện tích 223,9 ha.

2.3. Di sản văn hóa thế giới

Di sản văn hóa có một không hai của Khu Tự trị Tây Tạng – quần thể kiến trúc cung Bồ Đạt La, được hình thành bởi ba quần thể kiến trúc cung Bồ Đạt La, chùa Đại Chiêu, chùa La Bồ Lâm Ca.

Cung Bồ Đạt La được xây dựng từ thời vương triều Thổ Phiên, tương truyền được Tùng Tán Càn Bồ xây dựng để cưới công chúa Văn Thành, lưng dựa vào núi, diện tích hơn 360 nghìn m², cao 13 tầng, bao gồm cung điện và thành lũy. Cung điện nguy nga tráng lệ, được mệnh danh là kỳ tích của lịch sử kiến trúc thế giới. Trong cung cất giữ nhiều hiện vật có giá trị lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

La Bồ Lâm Ca dịch âm cụm từ tiếng Tạng có nghĩa là “khu vườn quý”, được xây dựng năm 1751, về sau được mở rộng, diện tích hiện nay là 3,6 triệu m². Đây là quần thể kiến trúc cổ, kết hợp cảnh quan nhân văn với cảnh quan tự nhiên, là vườn cảnh kiểu biệt thự có quy mô lớn nhất, đẹp đẽ và giàu nét đặc sắc. Bên trong chứa nhiều hiện vật có giá trị lịch sử, tôn giáo và truyền thống dân gian.

Chùa Đại Chiêu được xây dựng năm 601 sau Công Nguyên là quần thể kiến trúc với kết cấu gỗ kết hợp phong cách Hán - Đường và phong cách Tạng. Trong chùa còn bảo tồn

nhiều hiện vật quý, phía trước chùa có tấm bia “Đường Phiên Hội Minh”, minh chứng cho tình hữu hảo lâu dài giữa hai dân tộc Hán – Tạng.

Sau khi Tây Tạng được giải phóng, hàng năm Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ và tu bổ cung Bồ Đạt La, La bố Lâm Ca, tổng vốn đầu tư cho công tác tu bổ năm 1989 và năm 2007 lên tới gần 300 triệu NDT.

III. Hệ thống bảo đảm nhà ở và quỹ tiền vốn tích lũy chung đã cải thiện điều kiện cư trú của cư dân

Đảng bộ, chính quyền Khu Tự trị Tây Tạng hết sức coi trọng việc cải thiện điều kiện cư trú của cư dân, hoàn thiện công tác xây dựng hệ thống bảo hiểm nhà ở, từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo đảm nhà ở mà trọng điểm là nhà ở cho thuê với giá rẻ, nhà ở chu chuyển, nhà ở phù hợp với điều kiện kinh tế, nhà ở an cư cho nông dân. Điều kiện cư trú, môi trường của cư dân đô thị và nông thôn Tây Tạng – bao gồm cả các gia đình có thu nhập thấp ở đô thị, quần chúng nông dân và đông đảo cán bộ công nhân viên chức được cải thiện rõ nét.

3.1. “Nhà ở an cư” cho nông dân

Theo Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ 16 và Hội nghị toàn thể Trung ương khóa 16, trong thời kỳ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm lần thứ 11, toàn Khu Tự trị đã cải thiện điều kiện cư trú cho nông dân thông qua các dự án cải tạo nhà ở nông thôn, nhà ở định cư cho dân du mục, dự án xây dựng nhà ở cho người nghèo, nhà ở tái định cư cho nhân dân ở các vùng nguy hiểm, công trình “chấn hưng vùng biên giới làm giàu cho dân” các huyện biên giới... Năm 2006, các địa phương trong toàn khu vực đã khởi động dự án xây dựng nhà ở an cư cho nông dân. Đảng bộ Khu Tự trị đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành công tác xây dựng nhà ở an cư cho gần 220 nghìn nông dân trong thời gian 5 năm, như vậy 80% nông dân đều có nhà ở mới.

3.2. Xây dựng nhà cho thuê giá rẻ

Chế độ nhà cho thuê với giá rẻ là biện pháp quan trọng nhằm đi sâu cải cách chế độ đô thị hóa thị trấn, xây dựng và kiện toàn chế độ bảo đảm nhà ở cho các gia đình có thu nhập thấp, là bộ phận cấu thành quan trọng của công cuộc xây dựng hệ thống bảo đảm nhà ở.

Năm 2007 - 2008, đợt đầu xây dựng 4564 căn nhà cho thuê với giá rẻ ở 7 huyện thị, tổng diện tích sàn là 350 nghìn m². Năm 2009, Tây Tạng xây dựng 4.236 căn nhà cho thuê giá rẻ ở 71 huyện thị, tổng diện tích sàn là 254 nghìn m², tổng vốn đầu tư là 435 triệu NDT, khiến cho mọi huyện thị trong khu vực đều có nhà ở cho thuê với giá rẻ.

3.3. Xây dựng nhà ở mới

Trước đây, vì kinh tế khu vực Tây Tạng phát triển tương đối chậm, điều kiện nhà ở của công nhân viên chức thấp kém, thậm chí còn có nhà xây bằng gạch sống từ những thập kỷ 50, 60. Mấy năm gần đây, các ngành hữu quan của Nhà nước và Khu Tự trị đã đầu tư một lượng lớn tiền vốn, xây dựng nhà ở mới cho công nhân viên chức, điều kiện nhà ở của công nhân viên chức được cải thiện rõ nét. Đặc biệt, trong thời kỳ 5 năm lần thứ 11, Nhà nước đầu tư 1,5 tỷ NDT để xây dựng mới hơn 14,000 căn nhà cho công nhân viên chức trong các huyện thị Khu Tự trị. Hiện nay, toàn bộ số nhà ở mới xây dựng ở các huyện thị đã được hoàn thành và bàn giao sử dụng, trên 90% số nhà mới ở đô thị đã được hoàn thành và bàn giao sử dụng.

Việc xây dựng chế độ nhà ở mới phát huy tác dụng quan trọng trong công tác cải thiện điều kiện cư trú cho công nhân viên chức trong thời kỳ làm việc, tăng cường công tác cơ sở và xây dựng tổ chức cơ sở, ổn định đội ngũ cán bộ, duy trì trật tự xã hội, củng cố biên phòng.

Trần Cẩm

*Nguồn: T/C Xây dựng đô thị - nông thôn TQ
số 12/2009*

ND: Hoàng Thế Vinh

Thực tiễn công tác quản lý nhà ở nông thôn của Thành phố Bình Hồ, tỉnh Triết Giang, Trung Quốc

I. Bắt đầu từ quy hoạch, tối ưu hóa bố cục cộng đồng nông thôn mới

Thành phố Bình Hồ nằm bên bờ biển Đông Hải phía đông bắc tỉnh Triết Giang, phía Bắc giáp Thượng Hải, phía Nam giáp vịnh Hàng Châu. Thành phố có diện tích 537 km², diện tích lãnh hải 1086 km², 27 km bờ biển, có 7 thị trấn trực thuộc, dân số có hộ khẩu thường trú là 500 nghìn người, dân số tạm trú là 300 nghìn người. Với địa hình bằng phẳng, hệ thống sông ngòi chằng chịt, khí hậu ôn hoà, Bình Hồ được mệnh danh là vùng đất màu mỡ với rừng vàng biển bạc. Diện tích khu vực nông thôn của thành phố Bình Hồ là 350 km², dân số nông thôn có 83 nghìn hộ với 230 nghìn người.

Từ năm 2009, theo yêu cầu thí điểm cải cách đồng bộ khu vực đô thị và nông thôn, chính quyền thành phố Bình Hồ triển khai công tác quy hoạch thành phố Bình Hồ. Tổng diện tích đất xây dựng trong quy hoạch là 21,9 km² với 74,5 nghìn hộ dân. Chính quyền thành phố Bình Hồ đã triển khai lập các quy hoạch chi tiết, đặc biệt là quy hoạch đất xây dựng khu vực nông thôn.

Bên cạnh đó, chính quyền thành phố Bình Hồ cũng đề ra kế hoạch cải tạo nhà ở nông thôn giai đoạn 2009 - 2012, dự định trong 4 năm thực hiện cải tạo 15.000 căn nhà ở nông thôn, nâng số dân cư trú tập trung ở các thị trấn lên trên 50% tổng số hộ cư trú tập trung, xây dựng xong 18 điểm tập trung cải tạo nhà ở nông thôn mang tính điển hình. Riêng trong năm 2009 toàn thành phố đã hoàn thành mục tiêu cải tạo 4.500 nhà ở nông thôn.

II. Quản lý chặt đội ngũ xây dựng của thị trấn nông thôn

Từ năm 1989, thành phố Bình Hồ bắt đầu đẩy mạnh quản lý đội ngũ xây dựng của các thị trấn; năm 1992, Thành phố thành lập Hiệp

hội công nhân xây dựng thị trấn nông thôn. Công tác quản lý đội ngũ xây dựng thị trấn nông thôn của thành phố Bình Hồ được các cấp lãnh đạo tỉnh Triết Giang đánh giá cao. Cũng trong năm năm 1992, Văn phòng Xây dựng tỉnh Triết Giang đã triệu tập Hội nghị tổng kết kinh nghiệm quản lý xây dựng nhà ở nông thôn toàn tỉnh tại thành phố Bình Hồ. Năm 1997, Bộ Xây dựng Trung Quốc tổ chức “Lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý xây dựng thị trấn nông thôn toàn quốc” tại thành phố Bình Hồ, phổ biến kinh nghiệm quản lý đội ngũ công nhân xây dựng của thành phố Bình Hồ. Trong thời gian này, Bộ Xây dựng Trung Quốc cũng đề ra “Biện pháp quản lý năng lực hành nghề của đội ngũ xây dựng thị trấn nông thôn” (Thông tư số 54), Văn phòng Xây dựng tỉnh đề ra “Quy tắc quản lý năng lực đội ngũ xây dựng thị trấn nông thôn tỉnh Triết Giang”. Theo quy định của hai văn bản nói trên, Cơ quan quản lý hành chính xây dựng tỉnh Bình Hồ hàng năm đều tổ chức các lớp bồi dưỡng và kiểm tra năng lực hành nghề của đội ngũ xây dựng. Năm 2002, bắt đầu từng bước xóa bỏ các bậc năng lực B và C, mọi công nhân có giấy phép hành nghề đều đạt tiêu chuẩn năng lực bậc A, điều chỉnh và đổi giấy năng lực mới do Văn phòng Xây dựng tỉnh Triết Giang thống nhất phát hành. Ngày 1/7/2004, sau khi “Luật hành chính nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” có hiệu lực, “Biện pháp quản lý năng lực hành nghề của đội ngũ xây dựng thị trấn nông thôn” (lệnh số 54) bị bãi bỏ. Ngày 26/12/2004, Bộ Xây dựng đã ban hành “Ý kiến về việc tăng cường quản lý an toàn chất lượng công trình xây dựng thị trấn nông thôn”, điều chỉnh và hoàn thiện thể chế quản lý, phương thức quản lý đội ngũ công nhân xây dựng thị trấn nông thôn, công tác xây dựng nhà ở nông thôn từng

bước áp dụng phương thức giám sát quản lý bắt buộc đối với việc xây dựng công trình. Hiệp hội công nhân xây dựng thị trấn nông thôn thành phố Bình Hồ đã phối hợp với Cơ quan quản lý hành chính xây dựng thành phố thực hiện kiểm tra định kỳ hàng năm và bồi dưỡng huấn luyện kỹ năng đội ngũ công nhân xây dựng thị trấn nông thôn toàn thành phố.

Năm 2006, thành phố Bình Hồ thực hiện bồi dưỡng kỹ năng xây dựng cho 504 công nhân xây dựng. Năm 2008, Cơ quan quản lý hành chính xây dựng thành phố Bình Hồ và Hiệp hội công nhân xây dựng thị trấn nông thôn căn cứ vào tình hình thực tiễn xây dựng nhà ở nông thôn, tiến hành mở rộng phạm vi bồi dưỡng năng lực từ đội ngũ công nhân xây dựng thị trấn nông thôn sang nhân viên phụ trách tổ thi công, kiểm tra, bồi dưỡng và huấn luyện cho 200 công nhân xây dựng thị trấn nông thôn. Cấp “Giấy chứng nhận năng lực công nhân xây dựng thị trấn nông thôn thành phố Bình Hồ” và “Giấy phép thi công xây dựng thị trấn nông thôn thành phố Bình Hồ” cho 1.188 công nhân xây dựng thị trấn nông thôn và nhân viên phụ trách tổ thi công đạt tiêu chuẩn. Cuối năm 2008, tiến hành bình xét cho những công nhân xây dựng thị trấn nông thôn có giấy chứng nhận năng lực trong toàn thành phố. Qua đề cử bình bầu, 18 công nhân xây dựng thị trấn nông thôn được nhận danh hiệu “Công nhân tiên tiến toàn thành phố”.

Công tác quản lý đội ngũ công nhân xây dựng thị trấn nông thôn thành phố Bình Hồ đã không ngừng được tăng cường và hoàn thiện trong suốt 20 năm qua, từng bước hình thành và kiện toàn thể chế và cơ chế quản lý, gặt hái được nhiều thành công.

III. Kiện toàn bốn chế độ, tăng cường quản lý xây dựng nhà ở nông thôn

1. Đẩy mạnh chế độ “thi công theo bản vẽ”. Lấy bản vẽ thi công làm điều kiện cần khi thẩm tra phê chuẩn xây dựng nhà ở nông thôn, hộ

nông dân xây nhà ở ủy thác cho đơn vị xây dựng có năng lực chuyên ngành tiến hành thiết kế bản vẽ thi công hoặc lựa chọn bản vẽ thông dụng. Cơ quan chủ quản hành chính xây dựng thành phố thông qua các biện pháp như tổ chức thi thiết kế nhà ở nông thôn..., biên soạn “Tuyển tập bản vẽ nhà ở nông thôn thông dụng thành phố Bình Hồ”, “Tuyển tập bản vẽ nhà ở nông thôn trong xây dựng nông thôn mới thành phố Bình Hồ”... cung cấp cho nông dân toàn thành phố sử dụng miễn phí.

2. Thực hiện chế độ bắt buộc công nhân xây dựng phải có giấy chứng nhận năng lực thi công mới được xây dựng nhà ở nông thôn. Thành phố Bình Hồ kiên trì thực hiện chế độ công nhân xây dựng phải có giấy chứng nhận năng lực thi công và lập hồ sơ mới được xây dựng nhà ở nông thôn. Muốn xây dựng nhà ở nông thôn, đội ngũ công nhân xây dựng thị trấn phải được Sở Quy hoạch Xây dựng thành phố kiểm tra bồi dưỡng huấn luyện, được Cơ quan quản lý hành chính về quy hoạch và xây dựng cấp giấy chứng nhận năng lực và làm thủ tục hồ sơ đăng ký tại chính quyền thị trấn nơi có công trình; khi đó họ mới được ký hợp đồng thi công với hộ dân xây dựng nhà ở. Đồng thời, chính quyền cũng kiên trì thực hiện chế độ kiểm tra năng lực và đánh giá năng lực hàng năm đối với đội ngũ xây dựng nhà ở nông thôn. Hàng năm, kiểm tra năng lực chuyên môn các công nhân xây dựng nhà ở nông thôn có giấy chứng nhận năng lực theo nội dung “tuân thủ pháp quy pháp luật, chất lượng công trình, an toàn thi công, được xã hội tín nhiệm”, hủy bỏ giấy chứng nhận năng lực của những công nhân không đạt tiêu chuẩn.

3. Hoàn thiện mạng lưới quản lý. Tù theo nhu cầu thực tế của công tác quản lý xây dựng nhà ở nông thôn, bổ sung đội ngũ nhân viên và cơ quan quản lý xây dựng nhà ở nông thôn, thành lập ban quản lý xây dựng nhà ở nông thôn trực thuộc Cơ quan quản lý xây dựng nhà

ở thị trấn thành phố Bình Hồ, chịu trách nhiệm thẩm tra phê chuẩn quy hoạch xây dựng và chỉ đạo xây dựng nhà ở nông thôn toàn thành phố, các thị trấn chịu trách nhiệm thẩm tra sơ bộ nhà ở nông thôn, nhân viên chuyên trách chịu trách nhiệm công tác quản lý cụ thể về xây dựng nhà ở nông thôn. Triệt để phát huy tác dụng tích cực của các tổ chức tự quản như Hội nông dân..., đưa dịch vụ quản lý và kỹ thuật tới từng tổ, từng thôn, từ đó hình thành hệ thống giám sát quản lý “lượng lớn, diện rộng, điểm nhiều” phù hợp với xây dựng nhà ở nông thôn. Xây dựng mỗi căn nhà ở nông thôn đều phải có nhân viên quản lý xây dựng nhà ở nông thôn của thị trấn tới tận hiện trường giám sát quản lý, đo đạc hiện trường theo bản vẽ, nghiệm thu móng tại hiện trường, tới hiện trường khi đổ cột và đổ trần, nghiệm thu công trình hoàn thành tại hiện trường, bảo đảm công trình được xây dựng theo bản vẽ và do đơn vị thi công có giấy chứng nhận năng lực thi công thực hiện, bảo đảm an toàn chất lượng. Bên cạnh đó, để tăng cường quản lý xây dựng nhà ở nông thôn, chính quyền cũng đã thu hút các công ty dịch vụ quản lý của tỉnh ngoài tới nhận thầu giám sát quản lý, mời các công ty giám sát quản lý có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm tới giám sát chất lượng và an toàn thi công xây dựng nhà ở nông thôn toàn thành phố.

4. Tăng cường quản lý thi công xây dựng nhà ở nông thôn, kiên trì chế độ kiểm tra. Cơ quan quản lý hành chính về xây dựng của Thành phố hàng năm đều kiểm tra an toàn chất lượng nhà ở nông thôn toàn thành phố. Tổ kiểm tra chú ý các điểm quan trọng sau: quy hoạch, giấy chứng nhận năng lực, bản vẽ thi công, an toàn và chất lượng thi công ... triển khai các hoạt động kiểm tra xử lý những hậu họa về an toàn chất lượng nhà ở nông thôn, kịp thời tổng kết và thông báo tình hình kiểm tra. Kịp thời gửi công văn yêu cầu tu sửa công trình có vấn đề về chất lượng, yêu cầu đơn vị (hộ) xây dựng,

đơn vị thi công và Ban quản lý của thị trấn cùng điều chỉnh sửa đổi, quy phạm quá trình xây dựng nhà ở nông thôn sau này. Từ năm 2000 tới nay, thành phố không có sự cố an toàn nhân viên thi công bị thương vong.

IV. Kết luận

Thông qua không ngừng tìm tòi, nghiên cứu trong thực tế, thành phố Bình Hồ đã hình thành cơ chế quản lý đội ngũ công nhân xây dựng phù hợp với thực tế : “Kiểm tra bồi dưỡng huấn luyện, kiểm tra năng lực hàng năm, giám sát kiểm tra, liên kết các hiệp hội, kiểm tra bình xét cuối năm, quy phạm quản lý dài hạn và hữu hiệu”. Chú trọng toàn bộ quá trình quản lý xây dựng nhà ở nông thôn, nhấn mạnh “quản lý đội ngũ, nâng cao năng lực, tăng cường quản lý giám sát, coi trọng quy phạm”, làm tốt “bồi dưỡng huấn luyện, lập hồ sơ, giám sát, quy phạm, tự giác”, không ngừng tăng cường quản lý đội ngũ công nhân xây dựng thị trấn nông thôn, nâng cao tố chất đội ngũ xây dựng thị trấn nông thôn, nâng cao tố chất đội ngũ giám sát quản lý ở cả ba cấp thành phố, thị trấn và thôn xã, thúc đẩy chất lượng xây dựng nhà ở nông thôn thành phố Bình Hồ tiến lên trình độ cao hơn.

Hai mươi năm qua, công tác quản lý đội ngũ công nhân xây dựng thị trấn nông thôn thành phố Bình Hồ căn cứ vào yêu cầu “tuân thủ quy hoạch, quy định và quy phạm”, nghiêm túc làm tốt công tác giám sát quản lý chất lượng, an toàn nhà ở nông thôn và phát triển đội ngũ xây dựng thị trấn nông thôn, kiên trì đi theo con đường kết hợp quản lý và phục vụ, tạo nên nét riêng trong quản lý xây dựng nhà ở nông thôn, được các ngành chủ quản cấp tỉnh và Chính phủ đánh giá cao.

Nghe Kỳ Căn

Nguồn: T/C “Xây dựng đô thị và nông thôn”

TQ số 12 năm 2009

ND:Hoàng Thế Vinh

Những tồn tại và biện pháp quản lý tri thức của các doanh nghiệp ngành Xây dựng Trung Quốc

Công tác quản lý tri thức của các doanh nghiệp ngành Xây dựng Trung Quốc mới bắt đầu cách đây không lâu, áp dụng cũng chưa thuần thục. Trong thực tế, muốn quản lý tri thức đạt hiệu quả cao cần có quy hoạch chiến lược toàn diện, đảm bảo thực hiện nghiêm túc và triệt để. Không phải doanh nghiệp xây dựng nào thực hiện quản lý tri thức cũng đều “thuận buồm xuôi gió”. Trên thực tế, theo một số chuyên gia, tỷ lệ thực hiện thành công dự án quản lý tri thức chỉ khoảng 50%, người lạc quan hơn thì nhận định tỷ lệ này lên đến 70%. Nhiều công ty lúc đầu hồ hởi thực hiện, nhưng qua nhiều lần thất bại đã dần mất lòng tin.

I. Vấn đề tồn tại

1.1. Thiếu mục đích thương mại

Phần lớn các doanh nghiệp xây dựng đều xem quản lý tri thức là mục đích. Nhiều doanh nghiệp lựa chọn phương án cộng hưởng tri thức và hi vọng rằng sẽ sớm thu được hiệu quả tích cực, một số cho rằng tổ chức được một cơ cấu có hiệu quả sẽ có thể cùng chia sẻ, cộng hưởng tri thức. Đó là một nhận định thiếu chuẩn xác. Vì mục đích của việc quản lý tri thức không chỉ là quản lý tri thức, mà là để xử lý các vấn đề cấp bách của doanh nghiệp xây dựng. Công tác quản lý tri thức không phát huy tại các doanh nghiệp xây dựng có nguyên nhân là do người thực hiện không gắn kết công tác quản lý tri thức với hoạt động thương mại của doanh nghiệp, mà chỉ đơn thuần xem quản lý tri thức là phương tiện giao tiếp, thực chất quản lý tri thức là đi tìm hiểu vấn đề, từ đó đưa ra phương án giải quyết hiệu quả.

1.2. Quy hoạch không khoa học, thiếu vốn

Có nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn chỉ chú tâm vào kế hoạch thử nghiệm quản lý tri thức mà quên đi hiệu quả thực tế. Kế hoạch thử nghiệm là mới nên được chú ý và hỗ trợ. Một số

lãnh đạo doanh nghiệp sau khi xem qua kế hoạch thử nghiệm đều đánh giá cao và tiến hành chỉ đạo thử nghiệm. Tuy nhiên, cùng với thời gian, các bộ phận và nhân viên luân phiên thay đổi, thêm vào đó hoàn cảnh môi trường thay đổi, trọng tâm chú ý của doanh nghiệp chuyển sang đối tượng khác. Đồng vốn đầu tư vào kế hoạch thử nghiệm đã sử dụng hết, nguồn vốn thực hiện bước tiếp theo bị cắt, kế hoạch cũng vì thế bị phá sản.

Để ngăn chặn tình trạng này tiếp tục xảy ra, khi triển khai kế hoạch thử nghiệm, doanh nghiệp cần có kế hoạch triển khai ứng dụng vào thực tế kinh doanh. Như vậy, lãnh đạo doanh nghiệp mới nắm được tiến độ kế hoạch thử nghiệm và triển khai ứng dụng. Hành động này giúp cho bộ phận quản lý tri thức trong việc xin nguồn vốn hỗ trợ từ lãnh đạo doanh nghiệp. Những doanh nghiệp có năng lực quản lý tri thức không ngần ngại khi chi tiền, mỗi năm họ đều trích ra một khoản cho công tác vận hành và phát triển hệ thống quản lý tri thức.

1.3. Thiếu người chuyên trách

Việc xúc tiến quản lý tri thức nếu thiếu người chuyên trách thì khó đạt được hiệu quả mong muốn. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp xây dựng thì còn cần nhiều nhân viên chuyên trách hơn. Doanh nghiệp xây dựng nếu muốn xúc tiến quản lý tri thức, ngoài yêu cầu về nhân tài công nghệ thông tin thì cần có thêm nhân viên chuyên trách. Phạm vi thực hiện càng lớn, càng cần nhân viên giỏi chuyên môn trực tiếp tham gia. Công tác quản lý tri thức đạt hiệu quả cao là nhờ có đồng đội nhân viên tích cực tham gia. Công việc chủ yếu gồm có: giúp đỡ quản lý dự án đúc rút kinh nghiệm từ dự án mới hoàn thành, duy trì, đổi mới nội dung quản lý tri thức, thậm chí thiết lập đường dây tư vấn về phương thức vận hành hệ thống quản lý tri thức.

II. Các biện pháp khắc phục

2.1. Chú trọng vai trò của quản lý tri thức, thiết lập chiến lược quản lý tri thức

Lãnh đạo doanh nghiệp khi triển khai quản lý tri thức cần triệt để nhận thức rõ vai trò của công tác quản lý từ tận trong tiềm thức, tư tưởng, từ đó áp dụng vào trong thực tế hoạt động của doanh nghiệp. Làm rõ nguyên nhân, mục tiêu quản lý tri thức, đồng thời căn cứ vào mục tiêu và chiến lược tổng thể của doanh nghiệp để xây dựng chiến lược quản lý tri thức của doanh nghiệp. Xác định rõ khu vực trọng điểm của quản lý tri thức, khu vực này thường là bộ phận, dự án hay phương diện kinh doanh chủ chốt của doanh nghiệp, tập trung sức cạnh tranh chủ lực của doanh nghiệp. Ví dụ như đối với doanh nghiệp thi công công trình cầu đường, thế mạnh của doanh nghiệp là các kỹ thuật đặc thù và chuyên môn cao về thi công cầu đường, nên doanh nghiệp cần tăng cường quản lý tri thức về phương diện cầu đường, giúp doanh nghiệp mở rộng giá trị tri thức về lĩnh vực công trình cầu đường.

2.2. Thiết lập kho tri thức với nền tảng là công nghệ thông tin

Thiết lập kho tri thức của doanh nghiệp là việc tập hợp, xử lý tri thức rời rạc vốn có của mỗi người trong doanh nghiệp, biến nó thành tài sản chung của doanh nghiệp, tận dụng kỹ thuật máy tính, kỹ thuật Internet để chia sẻ tri thức và giúp mọi người thuận tiện trong việc tìm kiếm và sử dụng những kinh nghiệm và thành quả đạt được. Việc thiết lập kho tri thức là một quá trình tích lũy, cần liên tục đổi mới và duy trì. Đặc điểm của các dự án công trình xây dựng là chu kỳ dự án dài, mức đầu tư lớn, quá trình triển khai phức tạp với nhiều thay đổi, nên khi doanh nghiệp xây dựng biên tập, lưu trữ các thông tin về văn bản, hồ sơ, ghi chép thi công vào kho tri thức thì cần thiết lập thành từng chuyên mục rõ ràng như loại hình kết cấu, hạng mục công trình, trình tự thi công, chức năng... bám sát các

nguyên tắc thi công có lợi về sau để từ đó tiến hành phân loại xử lý và biên tập, hơn nữa trong mỗi chuyên mục nên thiết kế các chuyên mục cụ thể hơn như yếu điểm thi công, hạng mục cần chú ý, tổng kết kinh nghiệm, bài học rút ra. Doanh nghiệp cần tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống thông tin hoá, sử dụng một số phần mềm thiết kế công trình và quản lý dự án tiên tiến của nước ngoài, xây dựng hệ thống thông tin nội bộ và kết nối cộng đồng để nâng cao hiệu quả sử dụng kho thông tin của doanh nghiệp, phục vụ tích cực cho công tác quản lý tri thức của doanh nghiệp.

2.3. Xây dựng văn hoá doanh nghiệp cộng hưởng tri thức

Sau khi xây dựng mạng lưới chia sẻ tri thức, không có nghĩa là có thể bảo đảm tri thức trong doanh nghiệp sẽ được sử dụng hiệu quả. Bên cạnh đó cần xây dựng văn hoá doanh nghiệp mang tính hỗ trợ khích lệ, chia sẻ cùng sử dụng tri thức. Tuyên dương công lao của người có tri thức và trí tuệ, khiến họ cảm thấy được trọng dụng. Những bài học kinh nghiệm, phương pháp, thủ thuật, chiến lược của ai cần được nêu rõ họ tên, được tuyên dương và có thể dễ dàng tìm thấy trong kho thông tin. Doanh nghiệp cần đính kèm hồ sơ tri thức với hồ sơ lý lịch, sở trường, phương thức liên hệ với hồ sơ tri thức của người có đóng góp tri thức để thuận tiện cho việc liên hệ và hỗ trợ, khích lệ. Biến hệ thống trở thành công cụ tuyên dương thành tích cá nhân, xúc tiến hợp tác hiệu quả. Tạo điều kiện và dành cho người có công lao mức đãi ngộ xứng đáng, công lao của mọi người đều được lưu vào hồ sơ, đồng thời được ưu tiên đánh giá cao trong kế hoạch đánh giá hàng năm. Tạo không khí chia sẻ tri thức lành mạnh, hiệu quả.

2.4. Xây dựng doanh nghiệp ảo, nâng cao sức cạnh tranh

Xây dựng doanh nghiệp ảo là xu thế phát triển của ngành Xây dựng Trung Quốc, việc

tiến hành quản lý tri thức của doanh nghiệp xây dựng cũng không phải là ngoại lệ.. Ví dụ, trước khi đấu thầu, doanh nghiệp có thể thành lập doanh nghiệp ảo, dựa vào công nghệ kỹ thuật hiện đại để nắm bắt cơ hội, nắm bắt thị trường. Tất nhiên, các doanh nghiệp phải thường xuyên chú ý thu thập thông tin của các đối tác hợp tác tiềm năng, đồng thời xây dựng mối quan hệ hữu hảo, tìm hiểu thực lực, ưu thế, uy tín và tình hình hoạt động của các đối tác đó. Đặc biệt cần chú ý lựa chọn thành viên doanh nghiệp ảo phù hợp, đảm bảo khả năng trúng thầu cao nhất. Tức là, cần đáp ứng tối đa yêu cầu của bên mời thầu đưa ra, đảm bảo khi trúng thầu sẽ có thể thực hiện tốt nhất yêu cầu của từng hạng mục công trình. Do đó, cần chú ý lựa chọn các thành viên xuất sắc nhất để hình thành cục diện vững chắc, đảm bảo ưu thế cạnh tranh. Thành viên doanh nghiệp ảo của doanh nghiệp xây dựng có thể được tập hợp từ nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau, như các nhà máy vật liệu xây dựng, ngân hàng, viện thiết kế, công ty vận tải, xưởng sản xuất cấu kiện và các doanh nghiệp thi công có tiềm lực.

Phương thức quản lý tri thức của các doanh nghiệp xây dựng ở Trung Quốc cũng mới bắt đầu được triển khai ứng dụng, là đường hướng tư tưởng và quan niệm quản lý mới nên hệ thống vận hành quản lý tri thức còn thiếu một khung thống nhất, biện pháp giải quyết cụ thể đều chủ yếu dựa vào tình hình thực tế của ngành Xây dựng và của bản thân doanh nghiệp xây dựng để đưa ra biện pháp tổ chức, văn hoá, chiến lược và kỹ thuật phù hợp, xây dựng hệ thống chia sẻ tri thức, thành lập mô hình doanh nghiệp ảo để tối đa hoá giá trị tài sản tri thức của doanh nghiệp để từ đó nâng cao năng lực ứng biến, năng lực sáng tạo và sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Trong thời gian tới, việc vận dụng quản lý tri thức ở các doanh nghiệp xây dựng của Trung Quốc sẽ đạt được nhiều thành công lớn hơn, góp phần thúc đẩy các doanh nghiệp xây dựng Trung Quốc nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

Trương Đại Minh

Nguồn: Tạp chí xây dựng TQ số 2/2010

ND: Hoàng Đại Hải

HỘI THẢO “PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC THAM GIA THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN”

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2010



Ông Phạm Xuân Điều - Giám đốc Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị phát biểu khai mạc Hội thảo



Ông Nguyễn Mạnh Hà - Cục trưởng Cục Quản lý nhà và thị trường BĐS- Bộ Xây dựng phát biểu tham luận tại Hội thảo